

NGUYỄN NGỌC TRUYỀN



SỨC MẠNH

TỪ
LẮM LÒNG
KÍNH YÊU

BÁC

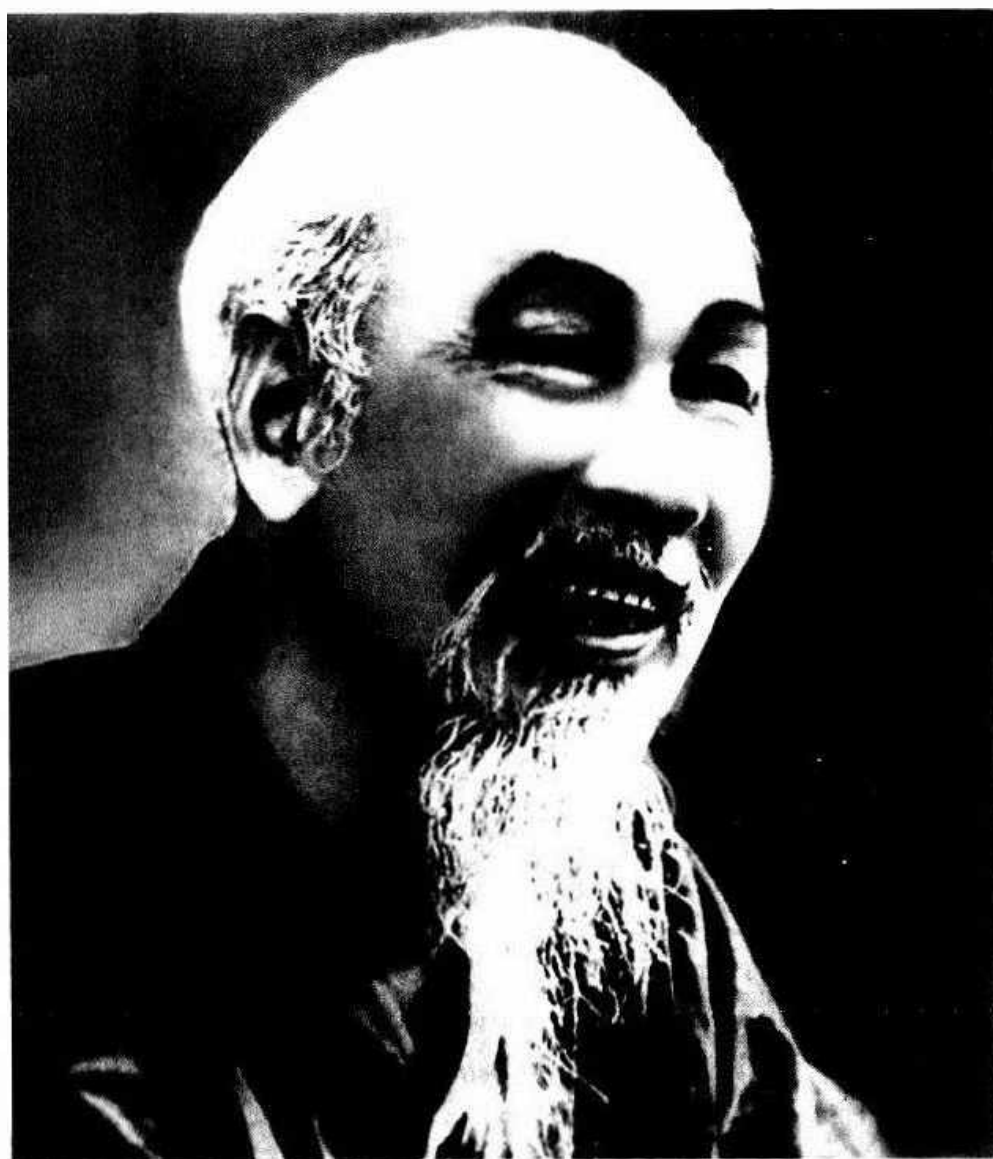


NGUYỄN NGỌC TRUYỆN

SỨC MẠNH Ữ TÂM LÒNG KÍNH YÊU BÁC



NXB DÂN TRÍ



Đảng ta là một đảng cầm quyền, mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

HỒ CHÍ MINH

SỨC MẠNH TỪ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC!

(79 bông hoa tươi đẹp)

Chu tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, là người xây dựng nền Cộng hoà Dân chủ Việt Nam (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Người là linh hồn, là ngọn cờ chói lọi lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đoàn kết một lòng, chiến đấu anh dũng, viết nên những trang sử vẻ vang nhất của Tổ quốc.

Dân tộc ta, đất nước ta rất tự hào đã sinh ra Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng dân tộc vĩ đại, danh nhân văn hóa thế giới và càng tự hào hơn nữa chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Việt Nam đẹp nhất với tư tưởng và tấm gương đạo đức trong sáng, mẫu mực. Đạo đức Hồ Chí Minh là sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta và tinh hoa văn hóa nhân loại, là tấm gương sáng để mọi người Việt Nam học tập và làm theo.

Nhìn lại chặng đường lịch sử vẻ vang, dân tộc ta càng thấm thía mỗi bước đi lên, mỗi chiến công và thành tựu mà



NGUYỄN NGỌC TRUYỀN

Đảng ta, dân tộc ta đã giành được, đều bắt nguồn từ công lao to lớn và gắn bó với tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là sức mạnh bắt nguồn từ tấm lòng kính yêu của chúng ta đối với Bác Hồ. Và sự tôn kính ấy được nhân rộng ra bởi những thành tựu ngày càng to lớn trong sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp đổi mới, sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh” theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

10-6-2007

NGUYỄN NGỌC TRUYỀN



1. NGÔI MỘ CÁNH SEN Ở ĐỒNG THÁP

Ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sinh năm Nhâm Tuất (1862) tại làng Sen, là con của ông Nguyễn Sinh Nhậm, thuộc thế hệ thứ mười dòng họ Nguyễn Sinh ở vùng đất Nghệ An giàu truyền thống cách mạng.

Năm 1901, sau khi đỗ Phó bảng, Nguyễn Sinh Sắc không chịu ra làm quan mà về quê dạy học và nuôi dạy con thay người vợ thân yêu - bà Hoàng Thị Loan đã qua đời đầu năm 1901. Do sức ép của triều đình phong kiến nhà Nguyễn và bọn thực dân Pháp, Nguyễn Sinh Sắc bắt buộc phải vào Huế rồi đi nhậm chức Tri phủ lĩnh nhiệm Tri huyện Bình Khê (Bình Định). Do thường bênh vực người nghèo khó, chống đối chính quyền thực dân, phong kiến, năm 1910, ông Phó bảng bị triệt hồi, giải về Huế. Sau đó, ông vào Sài Gòn và đến đồng bằng sông Cửu Long sống bằng nghề bốc thuốc chữa bệnh cứu người.

Đến Cao Lãnh (Đồng Tháp), ông Sắc đến thăm viếng miếu Trời Sanh, chùa Linh Sơn, chùa Kim Quang (Lâm Vô)... giao lưu, bàn bạc thời cuộc với các nhà yêu nước trong vùng.

Cuối năm 1919, ông Sắc về Sài Gòn gặp ông Ba Tiêu⁽¹⁾ mới đọc được tờ báo Nhân Đạo⁽²⁾ có bài “Bản yêu sách của nhân dân An Nam” ký tên “Nguyễn Ái Quốc”. Ông sửng sốt khi biết người viết bản yêu sách đó chính là Nguyễn Tất Thành đang hoạt động sôi nổi và có uy tín lớn ở thủ đô Paris, mà mấy năm trước có tin đồn là đã chết trên tàu khi đang chạy dọc bờ biển châu Phi.

Mùa xuân năm 1921, ông Sắc đến Vĩnh Kim (Châu Thành - Mỹ Tho) bàn quốc sự với Bái Liễu (Trần Năng Liễu - ông ngoại vợ Bác Tôn Đức Thắng). Năm 1923 trở ra Phan Thiết đến cuối năm có mặt tại Thủ Dầu Một để chuẩn bị vượt biên.

Tháng 9-1926, nhân dịp Lê Mạnh Trinh bí mật đi Quảng Châu dự lớp “Thanh niên cách mạng đồng chí hội”, thông qua ông Trịnh, ông Sắc căn dặn người con trai của mình là Nguyễn Ái Quốc:

- Nói với Quốc là bác vẫn khỏe, đừng lo, cứ cố gắng làm việc, trung với nước tức là có hiếu với bác.

Đầu tháng 4-1928, Nguyễn Sinh Sắc đến Cao Lãnh ở tại nhà ông hương chủ Sanh, rồi dời đến nhà ông Năm Giáo ở rạch Cái Tôm. Hằng ngày, ông Sắc đi bộ ra chợ Cao Lãnh đến hiệu thuốc Hàng An Đường xem mạch, kê đơn, trị bệnh cho đồng bào. Bộn rộn thăm khám không làm ngơ việc ông Sắc trở lại Cao Lãnh sinh sống và hoạt động yêu nước.

Mùa nước nổi năm Kỷ Ty (1929) vừa rút, ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc lâm bệnh. Nhân dân Cao Lãnh hết lòng cứu chữa, nhưng bệnh không thuyên giảm. Đêm 26 rạng 27 tháng 10 Âm lịch, ông Sắc nhờ người đỡ dậy, nói chuyện với ông Năm Giáo, Lê Chánh Đáng, Hai Thiện và Bảy Mân. Ông

(1) Ba Tiêu, quê Bắc Kỳ, chống Pháp bị bắt và an trí ở Sài Gòn (đường Lagrandière - nay là đường Lý Tự Trọng), mở tiệm giặt là, là nơi các thủy thủ các tàu ngoại quốc thường xuyên đến truyền tin tức, thư từ ở nước ngoài gửi về.

(2) Báo Nhân Đạo là báo L'Humanité của Đảng Công sản Pháp.

SỨC MẠNH TỪ TÂM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

đưa số tiền của mình trên 150 đồng nhờ bà con mua quan tài khâm liệm. Ông chỉ tay ra sân bảo để quan tài ngoài ấy tế liệm rồi đưa đi chôn. Sáng ngày 27, ông đưa cho Lê Chánh Đáng một tập thư chữ Hán bảo nhờ



ông cử Hành đưa cho Nguyễn Thị Thanh (con gái lớn của ông) và tặng ông Đáng một toa thuốc bí truyền, rồi ông lịm dần, đến trưa thì tắt thở, hưởng thọ 63 tuổi (26-11-1929).

Bà con quanh vùng đều vô cùng thương tiếc, đã đem hương hoa đến phúng diếu, thay nhau túc trực bên linh cữu ông và sáng hôm sau, lễ an táng ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc được nhân dân xã Hoà An, thị trấn Cao Lãnh cử hành trọng thể. Ngôi mộ nằm cạnh miếu Trời Sanh gần chùa Hoà Long. Ngay trong thời Mỹ nguy tam chiếm, nhân dân Cao Lãnh cố bảo tồn và hương khói mộ ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc - thân sinh của Bác Hồ, mặc dù bọn đế quốc và bè lũ tay sai đã giở đủ trò để phá ngôi mộ.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30-4-1975, ngôi mộ ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc được Đảng bộ và nhân dân Đồng Tháp xây dựng lại trên vị trí cũ và được khánh thành ngày 18-2-1977.

Di tích Nguyễn Sinh Sắc được Bộ Văn hoá Thông tin xếp hạng cấp quốc gia vào tháng 4-1992. Toàn bộ di tích rộng 3,6ha, chia làm hai khu vực: mộ ông Nguyễn Sinh Sắc, nhà sàn Bác Hồ và ao sen Đồng Tháp. Nổi bật trên màu xanh của hàng trăm cây kiểng quý hiếm là màu trắng tinh khiết của các công trình: vòm mộ, hồ sen, nhà trưng bày về ông Nguyễn Sinh Sắc, bà Hoàng Thị Loan, nhà trưng bày về Bác Hồ, tất cả đều toát lên vẻ giản dị nhưng uy nghi, trang



Nhân dân đến thắp hương tưởng niệm tại mộ cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc ở thị xã Cao Lãnh (Đồng Tháp).

trọng. Đặc biệt là vòm mộ có hình dáng một cành sen với chín đầu rồng cách điệu đậm nét dân gian - tượng trưng cho nhân dân Đồng bằng sông Cửu Long luôn che chở ngôi mộ.

Hằng năm vào ngày 27 tháng 10 Âm lịch, lễ giỗ ông Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc được tổ chức trang nghiêm và trọng thể nhưng đậm đà bản sắc dân tộc, bà con xa gần tề tựu dâng hương, thành tâm quý trọng bậc tiền nhân yêu nước, thương dân.

Năm 1990, mừng sinh nhật Bác Hồ lần thứ 100 (19-5), tỉnh Đồng Tháp tổ chức khánh thành ngôi nhà sàn Bác Hồ, xây dựng nguyên mẫu như nhà sàn Bác ở Hà Nội. Trước nhà sàn Bác cũng có ao sen nhưng tạo dáng địa giới hành chính tỉnh Đồng Tháp. Đây là công trình đáp ứng tình cảm của nhân dân đối với ông Phó bảng, với Bác Hồ khi đến tham quan di tích, hoặc khi: xuất quân ra tiền tuyến, lên đường xây dựng vùng kinh tế... Dần dần, các lễ cưới - cô dâu, chú rể cũng đến đây dâng hoa cầu hạnh phúc bền lâu và chụp hình lưu niệm.

(Theo Khiếu Quang Lân)

2. DỤC THANH - TRƯỜNG XƯA BẮC DẠY HỌC

Những năm đầu thế kỷ XX, phong trào Duy Tân ra đời do các chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Trần Quý Cáp... khởi xướng, là thông điệp mới nhằm thức tỉnh tinh thần yêu nước, thương dân. Các vị tiên bối này hiểu sâu sắc rằng giáo dục từ cổ chí kim bao giờ cũng có sức thức tỉnh và bồi dưỡng “nguyên khí” của dân tộc, của đất nước. Sự kiện ra đời ngôi trường Dục Thanh năm 1907 là ở trong trào lưu cứu nước ấy. Trường Dục Thanh được xây dựng cùng thời điểm với trường Đông Kinh Nghĩa Thục, tại làng Thanh Đức (nay là nhà 39 đường Trưng Nhị, phường Đức Nghĩa, thành phố Phan Thiết). Trường Dục Thanh là con đẻ của phong trào Duy Tân thời bấy giờ, do các ông Nguyễn Trọng Lội, Hồ Tá Bang xây dựng nên, nhằm mở mang dân trí, thức dậy ý thức giống nòi, dân tộc. Ở vùng duyên hải miền Trung, Dục Thanh là ngôi trường hiếm hoi có nội dung giảng dạy tiến bộ nhất, việc tổ chức lớp học có đổi mới, nên thu hút sự quan tâm của phụ huynh có con tới học.



Đến năm 1910, người thanh niên ưu tú Nguyễn Tất Thành tròn 20 tuổi, khát vọng cứu dân cứu nước càng sôi sục trong tâm can và quyết chí ra đi tìm cuộc đổi đời cho dân tộc. Trên đường đi về phương Nam, tới vùng đất lành Phan Thiết, cuộc cụ nghè Trương Gia Mô, người quen biết với cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc giới thiệu, thầy giáo Nguyễn Tất Thành được vào dạy học tại trường Dục Thanh. Thời điểm



Trường Dục Thanh, nơi Bác Hồ từng dạy học.

ấy, trường có khoảng 50-60 học sinh với 7 thầy giáo dạy Hán văn, Pháp văn, thể dục thể thao, các môn Văn, Toán, Sử, Địa, tiếng Việt. Thầy giáo Thành được phân công dạy chữ Tây lớp nhì⁽¹⁾, dạy Sử ký, Địa dư lớp nhất⁽²⁾ và phụ trách thể dục buổi sáng toàn trường.

Từ chỗ điều kiện dạy và học của trường ngày càng được quan tâm và học trò ở nội trú, nên các thầy giáo có điều kiện tiếp xúc, gần gũi với học trò mình giảng dạy. Với thế mạnh giảng dạy bộ môn Quốc văn và Sử ký, thầy giáo Thành rất chú ý việc truyền bá tinh thần yêu quê hương, đất nước, tình thương yêu nòi giống cho lớp học trò tuổi vị thành niên - lứa tuổi lòng đang trong trắng, trí đang minh mẫn. Những lúc rảnh rỗi, thầy giáo Thành thường dẫn học trò của mình đi đây đó (dã ngoại) thưởng thức những cảnh đẹp của quê nhà.

Thấm thoát lại một mùa hè nữa đến với thầy giáo Thành tại đất Phan Thiết - miền cực Nam Trung Bộ. Mùa hè đến,

(1) Lớp nhì: Cours moyen (nay là lớp bốn).

(2) Lớp nhất: Cours supérieure (nay là lớp năm).

SỨC MẠNH TỬ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

đất khát. Nước mưa ít như nước dãi ve sâu, chẳng thấm tháp vào đâu.

Các thầy trò trường Dục Thanh phải gò lưng, người khiêng, kẻ gánh nước ao tưới cho hàng cây trồng quanh sân và vườn trường. Các ông trong “Hội đồng bảo trợ” đang thăm buổi “lao động chấn hưng trường ốc” đều ngạc nhiên về thầy giáo Nguyễn Tất Thành, con trai quan Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, gánh nước đi dẽo như người gánh cá tươi chạy chợ trưa vậy. Những cô gái xinh đẹp của các vị này có mặt, thì “nhìn trộm” thầy giáo Thành gánh nước tưới cây. Bà Hồ Tá Bang, với con mắt người mẹ hàng kén rể thì cũng để ý đến “con người mảnh khảnh, da trắng, môi đỏ như gái cấm cung, ăn không gấp nặng dũa, mà gánh gồng chất nặng đầy vai, lại còn trí khôn trước tuổi...”.

Vậy mà, một buổi sáng tháng 9-1910, thầy trò trường Dục Thanh không còn nghe tiếng còi tập thể dục của thầy giáo Thành nữa! Cả trường lại xôn xao về sự “đến lớp muộn” của Thành, mà có ngờ đâu giờ này Thành đang ngồi ghe của Tư Lê⁽¹⁾ vượt biển vào miền trong, cập bến Nhà Rồng ở đất Sài Gòn hoa lệ.

Học sinh trường Dục Thanh nhớ mãi hình ảnh người thầy giáo trẻ, với dáng cao gầy, đôi mắt tinh anh, tóc cắt ngắn, ăn mặc giản dị và có tình thương vô hạn đối với đàn em thân yêu.

Giếng nước, cây khế trường Dục Thanh.



(1) Tư Lê: Người dân xứ Huế tham gia chống thuế 1908 bị Tây đánh bết đầu, được Nguyễn Tất Thành xé áo băng bó, sau trốn vào Sài Gòn, làm thuê cho chủ mua bán nước mắm Phan Thiết. Gặp Thành và cho quá giang vào Sài Gòn. Từ đó, Tư Lê nhận làm em và gọi Thành là anh Ba. Phải chăng Thành lấy tên anh Ba để đi tìm đường cứu nước?

Thành rời trường Dục Thanh để lại biết bao kỷ niệm: giếng nước hình tròn xây bằng gạch mà nhà trường dùng lấy nước sinh hoạt và hằng ngày thầy giáo Thành ra múc nước tưới cho cây xanh trong khuôn viên trường. Cây khế có tuổi hơn trăm năm được chính tay thầy giáo Thành tưới nước chăm sóc mỗi chiều trong thời gian thầy dạy ở trường.



Ngoạ Du Sào.

Ngoạ du sào là nơi hàng ngày thầy giáo Thành đọc sách, soạn bài.

Những vật kỷ niệm đó đã gắn bó với cuộc đời làm thầy của Thành ở trường Dục Thanh.

Ngày nay, tuy không còn hoạt động⁽¹⁾, trường Dục Thanh đã bị hư hại nhiều, theo nguyện vọng của nhân dân là muốn phục chế lại ngôi trường Dục Thanh xưa để tỏ lòng biết ơn Bác Hồ kính yêu và giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ hôm nay và mai sau, các công trình của trường xưa được dựng lại từ những năm 1978-1980 và được Bộ Văn hoá - Thông tin xếp hạng Di tích lịch sử cấp quốc gia ngày 12-12-1986.

Trong hành trình tìm đường cứu nước và cả cuộc đời hoạt động cách mạng hết sức phong phú của mình, Bác Hồ đã đến nhiều nơi trên trái đất. Trường Dục Thanh - Phan Thiết, dù chỉ là điểm dừng chân ngắn ngủi của Người (1908-1910), nhưng đối với người dân ở mảnh đất cực Nam Trung Bộ này là cả niềm vinh dự, tự hào to lớn.

(Theo N.T. Kỳ - N.T. Sơn)

(1) Trường Dục Thanh ngừng hoạt động từ năm 1912.

3. TÌNH ANH BA NGHỆ

Trong khi thầy trò trường Dục Thanh đang băng khuâng vì nỗi chia ly bất ngờ, thì Nguyễn Tất Thành đã đặt chân lên đất Sài Gòn hoa lệ. Tư Lê bảo Thành:

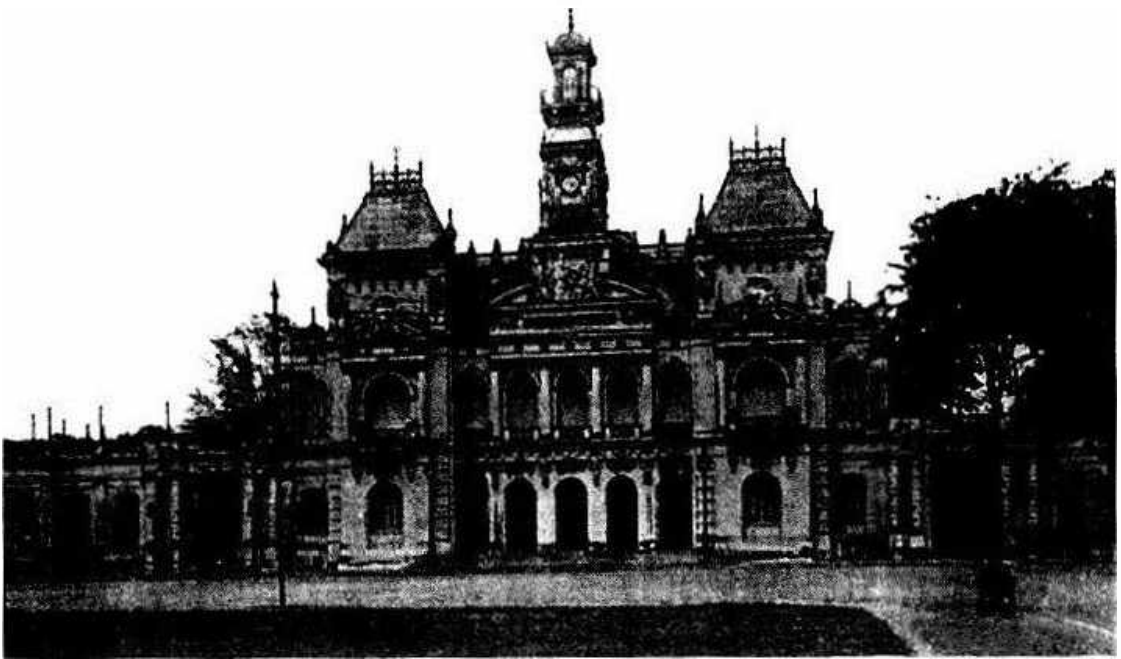
- Sớm mai về nhà chú già Đờn, sau đó tôi đưa anh đi coi phố. Giờ anh chợp mắt lấy một lúc kéo mệt...

Một đêm khô khốc qua đi nhanh chóng. Một Sài Gòn trằn trụi, ồn ào bày ra và choáng hết tâm mắt anh Ba. Trên đường về nhà ông già Đờn⁽¹⁾, Tư Lê đưa anh Ba đi qua bến cảng Nhà Rồng. Một sự xôn xao mới dấy lên trong tâm trí lúc anh Ba nhìn thấy những con tàu viễn dương sừng sững đậu trước cửa sông...



Cảng Sài Gòn năm 1911.

(1) Ông già Đờn: Dân Sài Gòn nói lại là chẳng biết rõ tên ông là gì, mà chỉ gọi bằng tên người con gái út là Huệ. Nghe nói, ông là một người giàu có ở miền châu thổ sông Tiền, vì thua kiến bị phá sản. Vợ chết, hai người con trai cũng bị chết bệnh liên tiếp trong mấy năm; ông buồn phiền bỏ quê nhà, đưa con gái út lên sinh sống ở bến Nhà Rồng. Vì ông dòn hay, anh em thợ gọi luôn là ông già Đờn. Ông làm phụ khuôn vác. Cô út Huệ lo việc cơm nước cho ông và nấu cơm giúp đỡ một số công nhân không có gia đình. Thỉnh thoảng cô út Huệ cũng ra cảng nhận việc làm công nhật với cha.



Toà đô chánh Sài Gòn xưa.

Qua những bãi rác sinh lầy, con đường vào xóm chợ càng sâu càng quanh co, gấp khúc, có nhiều nhánh rẽ hai bên như cái xương cá. Anh Ba hơi ngỡ ngàng với cái “thế giới hang chuột” này. Tư Lê vui vẻ nói:

- Cây mận kia rồi! Anh Ba thấy chưa? Nhà chú Út⁽¹⁾ có cây mận bự làm cột tiêu cho cánh thợ bộn tui đi về không thể nào lạc được!

Anh Ba nghiêng nghiêng nhìn vào ngôi nhà nép gọn dưới gốc cây mận. Anh Ba nhớ lại lời giới thiệu của Tư Lê về cuộc sống “gà trống nuôi con” của cha con ông già Đờn.

... Tại nhà ông già Đờn dưới gốc cây mận, trong xóm lao động - cái “thế giới hang chuột”... có tiếng đàn nhị (dờn cò) từ trong mái nhà tranh bay ra réo rắt. Tư Lê nói với Thành:

- Ông già Đờn đó anh Ba!

Rồi Tư Lê đến gần bếp nói nhỏ:

- Cô Út! Cho anh Ba với tôi ăn cơm nghe!

Cô Út Huệ nói với Tư Lê:

(1) Chú Út: Anh em công nhân gọi ông già Đờn theo thú của Út Huệ.

SỨC MẠNH TỪ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

- Thầy Ba... Thầy Ba học thức, bảnh trai quá trời mà vô đây làm thợ với mình chịu sao nổi anh Tư?

- Vậy mới là một người hiếm thấy chớ, cô Út!

Ông già buông lời ca, tay đàn, ngồi thừ và nhìn đau đáu ra ngõ hẻm. Ông treo cây đòn lên cột nhà và ngồi xuống bên anh Ba.

- Ủa! Thầy Ba Nghệ⁽¹⁾ đã về đây rồi à?

- Dạ, cháu về với anh Tư từ nãy giờ mà chú. Vì chú đang say đàn...

- Ồ! Phải rồi. Thầy Ba biết trọng thú vui của người khác. Bấy nhiêu đó đủ để qua⁽²⁾ đây tôn kính rồi đó.

- Thưa chú! Cháu đã được anh Tư cho biết tấm lòng của chú với cô Út, cũng như anh chị em xóm thợ, nên cháu vào đây.

- Thầy Ba về đây với tui tui, chật nhà, rộng bụng mà...

- Chú Út ơi! Chú đừng gọi cháu là thầy. Chú hãy coi cháu như anh Tư, như các anh đã ở trong nhà chú.

- Rồi, rồi, được rồi... Vậy thì già này gọi thầy là anh Ba... Anh Ba Nghệ...

Nói xong, ông xoay xuống nhà bếp gọi:

- Út à!

- Dạ! Ba gọi con có việc chi?

- Con làm cơm lâu vậy?

- Xong rồi thưa ba! Nhưng con đợi ba đòn hết bài đã mà...

- Trời đất! Con nhỏ này hồng sáng ý chi trời. Bữa nay có anh Ba con về, cần ăn cơm sớm để ảnh nghỉ ngơi chút rồi còn đi coi phong cảnh Sài Gòn nữa chớ...

Đặt chân lên thành phố Sài Gòn, tức là Nguyễn Tất Thành đã đến cái xứ "Nam kỳ trực trị". Và chỉ có tới đây, Thành mới thấy rõ cách tổ chức cai trị, cách bóc lột tinh vi, tàn nhẫn của bọn tư bản Pháp. Đội ngũ những người làm thuê ngày càng đông đảo và có mặt trong tất cả các nhà

(1) Cách gọi thân mật: Anh Ba người Nghệ An.

(2) Qua: Trong Văn Bộ, người lớn nói chuyện với người nhỏ tuổi thường dùng tiếng "qua" (không dùng tiếng: tao, tôi, tui...).

máy, xi nghiệp. Nguồn nhân công rẻ mạt ở đây chính là nguồn thu béo bở cho bọn cá mập tư bản Pháp.

Trên đất Sài Gòn, để sống và tìm cách đi ra nước ngoài, Thành phải làm nhiều công việc lao động chân tay nặng nhọc cùng với nhóm thợ xung quanh nhà ông già Đờn, có Tư Lê, Út Huệ hướng dẫn, giúp đỡ. Tại bến cảng Nhà Rồng, Thành rất chú ý đến các hãng tàu biển và một điều rất hấp dẫn là Thành biết hãng tàu Năm Sao (Chargeurs Réunis) có tuyến “bồi An Nam” để phục vụ khách trên tàu. Thế là ý định của Thành sắp được thực hiện: anh sẽ sang châu Âu, nơi có trào lưu tư tưởng tự do, dân chủ và khoa học kỹ thuật đang phát triển, để xem xét, để nghiên cứu, để tìm ra con đường cứu nước đúng đắn.

Trưa ngày 2-6-1911, Nguyễn Tất Thành ra bến Nhà Rồng. Nhờ sự giúp đỡ nhiệt tình của người thủy thủ tên Mai, Thành được dẫn đến gặp ông chủ tàu La-tút-sơ Trê-vin (Latouche Tréville) tên Louis E. Michell và được nhận vào làm phụ bếp từ ngày 3-6-1911.

Thế là ngày mai Thành sẽ tạm biệt khỏi gia đình ông già Đờn, một mái ấm mới mà Thành đã tạo dựng, nơi đã vừa tạo cho tâm hồn Thành những điều mới lạ, mà Thành khó rút ra ngay trong khoảnh khắc, nơi đã đem đến cho Thành nhiều kỷ niệm khó quên.

Không phải chỉ riêng Thành có nhiều tâm sự, mà cả ông già Đờn, Tư Lê và nhất là Út Huệ, ai nấy đều muốn trút hết bầu tâm sự với người ra đi trong ngày sum họp cuối cùng này. Mọi người có thể dần bớt cơn ao ước đó, chỉ riêng Út Huệ thì cứ nôn nao.

Út Huệ ngồi bên bậc cửa vá áo cho Thành. Thành với vẻ mặt buồn buồn, ngồi xuống sập gỗ, với giọng nói không tự nhiên:

- Có một việc riêng, hôm nay tôi mới có dịp nói với cô Út.

Hai má Út Huệ ửng đỏ, mắt chớp chớp, môi mấp máy, hai lúm đồng tiền ẩn hiện trên má. Cô nhìn thoáng Thành, cúi xuống liền, nói hơi run:

- Có điều chi anh Ba thấy cần dạy bảo em, em...

SỨC MẠNH TỪ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

- Ấy chết! Chuyện riêng của tôi chứ đâu dám “dạy bảo” gì hờ cô Út.

Út Huệ bình tĩnh trở lại:

- Anh đã tin em, anh cứ nói ra! Dù có quá sức em, em cũng ráng giúp anh.

Thành nhìn xa xa, giọng trầm trầm:

- Tôi không ở đây nữa... Mai sớm, tôi... đi... xa...

Út Huệ rùng mình, bối rối... Hai người như bị hẫng, ngồi im lặng... Út Huệ nói với giọng nghẹn ngào:

- Sao anh không ở đây nữa với ba em, với anh Tư...? Mà anh đi mãi đâu, cố về hộ trọng vậy?

- Tôi đi xa lắm... đi khỏi nước mình cô Út ạ...

- Anh đi chừng bao lâu thì anh trở về đây?

- Cô Út! Ngày trở về... ngày về của tôi xa mù mịt, tôi cũng chẳng định liệu trước được.

Đêm hôm đó, Út Huệ một mình một đèn, nước mắt giọt ngắn giọt dài tại buồng riêng. Hai bàn tay Huệ vắt, nắm, vỗ về nắm cơm gạo nòng thơm dẻo queo, chuẩn bị cho Thành đỡ đói lòng ngày đi xa. Vừa làm, vừa nói thầm: “Mình thương lắm anh. Giờ anh đi xa... mình có nên nói với anh cái điều dớ dẩn của mình không? Liệu anh có đoán biết được cái điều mình nghĩ về anh không? Đền ơi! Nếu anh Ba không biết điều ấy thì đền chúng cho tấm lòng Út Huệ này nhé. Ôi! Một người mà ai cũng yêu mến...”.

Sáng sớm ngày 3-6-1911, chuẩn bị thực hiện lời hẹn với chủ tàu, Thành từ trong ngõ hẻm bước từng bước ung dung, mắt nhìn thẳng phía trước. Cả nhà ông già Đờn đi tiễn đưa. Đi bên Thành là ông già Đờn, còn Út Huệ đi sau cùng. Sắp đến lối rẽ vào bến cảng, Thành chậm bước và tỏ lời cảm ơn mọi người, nhất là cha con ông già Đờn rồi nhìn vào mắt của mọi người trao gửi niềm tin:

- Nước mình, dân mình sẽ không cam chịu cảnh ngựa, trâu này mãi được. Phải xoá bỏ kiếp nô lệ và nhất định đời thợ chúng ta sẽ đổi khác... Chúng ta tin ở tương lai, tin vào tiền đồ dân tộc.



Tàu La-tút-sơ Tré-vin (Latouche Tréville).

Thành chợt nhìn sang Út Huệ, thì ông già Đồn giục con gái:

- Út! Con đi với anh Ba một quãng đường nữa...

Thành chấp tay giờ cao xá xá ông già Đồn và các bạn đang quay bước trên đường về, rồi im lặng đi bên Út Huệ. Mắt Út Huệ luôn luôn nhìn về hướng con tàu, rồi liếc nhìn Thành. Chưa bao giờ Út Huệ thấy Thành đẹp như lúc này.

Thành bất chợt nhìn Út Huệ, rồi lại nhìn con tàu. Thành rung mình. Một luồng gió lạnh từ đỉnh đầu xuống gan bàn chân như phân chia con người anh làm hai. Thành dừng lại:

- Sắp hết giờ lên tàu rồi. Út... đi với tôi đến đây là... Út về kẻo...

Út Huệ vẫn ôm trên tay mình cái gói nhỏ nhỏ, mắt chớp chớp nhìn vào mắt Thành. Tiếng Út Huệ nhẹ như gió thoảng:

- Em muốn nói với anh... chỉ sợ... anh cười em! Em muốn được nghe anh nói với em một tiếng giữa giây phút này, anh Ba ạ!

- Hôm qua, hôm nay và mãi mãi tôi nhớ tấm lòng của Huệ cũng như bao nhiêu tấm lòng vàng khác đã cứu giúp tôi trong những phen hoạn nạn.

Út Huệ nghẹn ngào:

SỨC MẠNH TỬ TÂM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

- Anh Ba luôn luôn nhớ đến những người có lòng tốt với mình, nhưng anh có biết người khác nhớ anh đến cháy ruột, cháy gan không?... Em biết anh là chim đại bàng, chiếc lồng son không thể nào nhốt được.

Thành nhấn từng tiếng chắc và ấm:

- Phải có tự do! Huệ ạ! Tổ quốc ta, nhân dân ta phải có độc lập, tự do, chứ không thể nô lệ mãi được!

Út Huệ run run, các gói nhỏ trên tay như muốn rơi xuống, nước mắt giàn giụa:

- Anh! Cơm nắm. Em nấu cho anh bữa cơm cuối cùng này. Cầm lấy đi anh... đi anh!

Thành đỡ gói cơm trên tay Huệ. Một tiếng gọi lẫn trong tiếng khóc bật ra từ trái tim người con gái Sài Gòn:

- Anh Ba? Em...

(Theo Sơn Tùng)

4. LÀNG QUÊ VIỆT BÊN DÒNG MÊ KÔNG

Người Việt ở Thái Lan sống tập trung ở vùng đông bắc lấy Na-khon Pha-nom - một tỉnh biên giới Thái Lan giáp với Lào làm quê tụ hội mỗi dịp xuân về Tết đến hay những ngày lễ trọng ở bên "nhà".

Na-khon Pha-nom, theo các bạn Thái Lan là đất thánh, đất lúa, có sức hấp dẫn bởi bánh gai ngon, thanh nữ đẹp, dòng sông mát, giọng hát hay... Na-khon Pha-nom là quê hương của lễ hội đua thuyền lửa truyền thống của người Thái Lan trên sông Mê Kông, nơi có chùa Thạt-pha-nom đẹp và thiêng nhất ở vùng đông bắc Thái Lan, hay là một cửa ngõ của đường xuyên Á. Đặc biệt hơn nữa là giữa làng quê của người Việt ở đây có đền thờ Bác Hồ, có ngôi nhà của Bác.

Từ xa, người Việt có thể nhận ra bóng dáng quê nhà, bởi những mái ngói năm gian ẩn hiện sau hàng cau xanh tốt ngoảnh mặt ra cánh đồng đang độ ngát ngào hương lúa non. Trước thêm một ngôi nhà ba gian có tám phen tre rất đặc trưng xứ Nghệ được cụ Võ Trọng Tiêu⁽¹⁾ giới thiệu đó là Nhà lưu niệm Bác Hồ.



Nhà Bác ở Na-khon.

(1) Võ Trọng Tiêu: một Việt kiều 79 tuổi, gốc làng Sen - Kim Liên - Nam Đàn - Nghệ An.

SỨC MẠNH TỪ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

Ngôi nhà này đã được Bác Hồ (lúc đó có tên là Thầu Chín) tự tay dựng lên từ năm 1923 để làm nơi hoạt động cách mạng mấy năm trời. Sau này, bà con Việt kiều góp vốn dựng lại theo nguyên mẫu trên nền nhà cũ. Khu vườn rộng 3.200m² của Bác xưa, vẫn còn lại cây khế già trĩu quả và hai cây dừa cao vút tự tay Bác trồng năm xưa. Đất vườn này là của thân sinh cụ Tiêu - cụ Võ Trọng Đàn, người đồng hương và là cơ sở cách mạng tặng Bác Hồ. Những kỷ vật của Bác, như máy thu thanh bán dẫn cũ kỹ, những viên gạch tự tay Người làm đến chiếc cối xay lúa bằng tre và những tấm hình của Bác Hồ được gửi từ bên “nhà” sang... đều được trưng bày trong Nhà lưu niệm.

Câu chuyện về những năm tháng Bác Hồ ở Thái Lan không ai trong làng không biết. Họ kể, vùng này xưa kia là rừng núi hoang vu, giao thông cách trở, nơi bà con người Việt chạy loạn sang nương náu từ đầu thế kỷ XX và đặt tên làng là Na-choọc, nghĩa là “con chó rừng” để ghi nhớ những tháng ngày chạy loạn cùng cực, bản hàn của dân làng “chẳng khác con chó rừng”.

Năm 1923, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc từ nước Anh trở về hoạt động tại đây dưới cái tên bí mật: Thầu Chín, gây dựng cơ sở cách mạng. Mặc dù bận công việc đại sự, nhưng ông luôn quan tâm đến cuộc sống của bà con. Ông tự chặt cây, dẫn gỗ làm nên ngôi nhà của mình, cùng ra đồng cấy lúa, bắt cá với bà con, động viên dân làng làm thủy lợi để trồng lúa. Đêm đêm, bên bếp lửa từng nhà, ông gieo vào lòng dân làng nỗi niềm thương nhớ cố hương, về thân phận người dân mất nước, khích lệ lòng tự hào dân tộc và yêu nước trong mỗi người.

Bằng đi một thời gian, ngày nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (2-9-1945), bà con làng Na-choọc (sau là bản Mây - bản Mới) mới biết cụ Hồ Chí Minh chính là ông Thầu Chín, người “làng mình”.

Bản Mây giờ đây mang đậm dáng dấp của một làng quê Việt Nam trù phú, xinh xắn bên dòng sông Mê Kông hiền hoà, hữu nghị.

(Theo Đ.N. Hoan - Phương Hà)

5. NGỌN LỬA XÔ VIẾT NGHỆ TĨNH

Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (3-2-1930), nhân dân ta sống trong luồng gió mới, bừng bừng, sục sôi cách mạng. Từ tháng 8 đến đầu tháng 9-1930, phong trào cách mạng đã dâng lên đều khắp ở các huyện của Nghệ An, Hà Tĩnh và phát triển thành cao trào.

Thắng lợi của các cuộc đấu tranh ở hai tỉnh làm nức lòng nhân dân, cổ vũ, động viên phong trào không chỉ ở Nghệ An, Hà Tĩnh mà còn giương cao ngọn cờ cách mạng cho phong trào cả nước. Từ đồn điền Phú Riềng đến vùng mỏ Hòn Gai, từ các miền quê Quảng Ngãi, Tiền Hải (Thái Bình), đến Sài Gòn, Nam Định, Hà Nội, tràn ngập không khí đấu tranh. Sau cuộc tổng bãi công của công nhân Bến Thủy, những cuộc biểu tình khổng lồ, dồn dập, liên tiếp của quần chúng nông dân ở các huyện Nghệ An, Hà Tĩnh, đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang tự vệ, đã làm sụp đổ bộ máy chính quyền thực dân, phong kiến.



Phong trào đấu tranh Xô Viết Nghệ - Tĩnh 1930-1931.

SỨC MẠNH TỪ TẤM LÒNG KINH YẾU BÁC



Tượng đài Xô Viết Nghệ - Tĩnh.

Dưới chính quyền Xô Viết do các Đảng bộ địa phương thành lập theo gương Công xã Paris năm 1871 và hình mẫu của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, quần chúng thực sự làm chủ, được sống trong những ngày hội cách mạng.

Trước sức mạnh như chẻ tre của quần chúng cách mạng, làm cho kẻ địch vô cùng hoang mang, lo sợ. Trong lúc địch đang bối rối, bất lực, chưa biết làm thế nào, thì ngày 12-9-1930 nổ ra cuộc biểu tình của hơn 8.000 nông dân huyện Hưng Nguyên. Cuộc đấu tranh còn có sự tham gia của nhân dân tổng Nam Kim (Nam Đàn) và công nhân Vinh - Bến Thủy phối hợp. Đoàn biểu tình càng đi, lực lượng tham gia càng đông. Khi đoàn kéo ra đến Thái Lão (cách Vinh 5km) thì bị máy bay địch đến ném bom và bắn rốc-két vào lúc 8 giờ 30 phút. Đến chiều, lúc 16 giờ, thấy nhân dân quanh vùng đang ra thu lượm xác chết, địch lại cho máy bay đến giội bom lần thứ hai làm 217 người chết. Số người bị thương cũng hàng trăm, chúng chất lên xe chở xuống Vinh, sau đó chết rất nhiều.

Cuộc đấu tranh trong ngày 12-9-1930 bị địch đàn áp, số người chết và bị thương thiệt hại lớn; đồng thời đã phơi bày bản chất phản dân chủ, mất nhân quyền của bọn đế quốc, thực dân, tay sai bán nước và cũng chỉ cho quần chúng bài học cách mạng triệt để, cách mạng không ngừng.

Ngay sau đó, báo "Người cùng khổ" - cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Trung kỳ đã đưa tin "Công - Nông khắp trong nước đã xông thẳng vào mặt kẻ thù mà thét lên rằng: Không được động đến Công - Nông Nghề - Tỉnh".

Khi Xô Viết Nghệ - Tĩnh nổ ra, Nguyễn Ái Quốc (Bác Hồ) đang hoạt động ở nước ngoài. Sau khi nhận được báo cáo về cuộc đấu tranh và vụ thảm sát ngày 12-9-1930 ở Hưng Nguyên, với tư cách là Ủy viên Bộ Phương Đông, phụ trách Cục Phương Nam, trực tiếp chỉ đạo cách mạng Đông Dương, Bác Hồ đã viết thư đề nghị Quốc tế Nông dân và Quốc tế Cộng sản, trước hết là Đảng Cộng sản Pháp, mở một chiến dịch chống khủng bố của đế quốc Pháp ở Đông Dương...

Ngày 9-12-1961, trong dịp về thăm quê hương (lần thứ hai), Bác Hồ đã đến dâng hương và đặt hoa tại Đài tưởng niệm các liệt sĩ hy sinh trong ngày 12-9-1930.

(Theo Quế Phương)

6. NGƯỜI VIỆT Ở CHIANG MAI NHỚ BÁC HỒ



Anh Thanaporn (bên phải), một kiều bào Việt Nam ở Chiang Mai, tại cơ sở sản xuất hàng lưu niệm do chính anh tạo dựng.

Cộng đồng Việt kiều và người Thái gốc Việt ở Chiang Mai có khoảng trên 2.000 người. Ở khu vực trung tâm thành phố Chiang Mai có một ngôi chùa bề thế mà kiều bào thường lui tới để thắp hương tưởng nhớ Bác Hồ. Điều ấn tượng nhất là ở Chiang Mai những người Việt lớn tuổi, như ông Ngà, ông Thành... mới biết nhiều câu chuyện và thích được nói chuyện về Bác.

Ông Trần Văn Ngà là một Việt kiều đã gần 60 năm sống ở Chiang Mai. Người Việt định cư ở Chiang Mai chủ yếu tập trung vào cuối những năm 1940, đầu những năm 1950 của

thế kỷ XX di tản theo hướng từ Lào sang để tránh chiến tranh khi Pháp quay lại Việt Nam. Có những người trong số họ đã từng may mắn gặp được Bác Hồ khi còn ở trong nước.

Bà con kiều bào ở Chiang Mai thường kể cho nhau nghe về những câu chuyện Bác Hồ hoạt động trên đất Thái trong những năm 1928-1930 với tên Thầu Chín, đã khéo léo nhắc nhở bà con kiều bào tự hào về truyền thống hào hùng của dân tộc, yêu thương đùm bọc nhau và biết nhớ về quê nhà.

Thời chiến tranh, mỗi khi nhớ nhà, nhớ quê hương, bà con lại đem ảnh Bác ra ngắm. Ông Nguyễn Văn Thành, người đã từng tham dự lễ cầu siêu cho Bác, nhớ lại ngày nghe tin Bác mất, tất cả người Việt ở Chiang Mai như lặng đi. Nhiều người về nhà đốt hương tưởng nhớ Bác, lại có người đeo băng tang trên áo để tang Người. Ông Thành còn kể rằng: "Chúng tôi nói với nhau: cả đời Bác đã hy sinh cho quê hương, cho dân tộc. Dù xa quê hương, nhưng cộng đồng mình cũng phải tổ chức lễ cầu siêu cho Bác".

Mặc dù biết sẽ gặp khó khăn, trở ngại lớn của chính quyền địa phương khi đó, nhưng cộng đồng người Việt đã cùng thuyết phục được sư cả chùa Xuooi Doc cùng với kiều bào đứng ra làm lễ cầu siêu cho Bác. Lễ cầu siêu có mặt cả ngàn người Việt ở Chiang Mai và các tỉnh lân cận đến dự.

Những kiều bào thuộc thế hệ thứ hai ở Chiang Mai nói tiếng Việt không sành cũng biết rành rọt những câu chuyện về cuộc đời Bác. Anh Thanaporn Soonthorusawat, giám đốc Công ty Siam Me-D, chuyên sản xuất, xuất khẩu hàng lưu niệm như tranh, giỏ xách... bằng loại giấy mỹ nghệ đặc biệt - người Việt thuộc thế hệ thứ hai ở Chiang Mai nói: "Tôi sinh ra và lớn lên ở Chiang Mai, qua lời kể của ba mẹ và sách vở, phim ảnh, tôi hình dung được về Bác Hồ. Những người Việt trẻ ở Thái Lan như tôi rất kính phục Người".

Cũng như cha, cô con gái lên 7 tuổi của Thanaporn chưa nói được tiếng Việt, nhưng hát khá sôi bài Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng.

(Theo V.Bình - Duy Bình)

7. ĐI NGA TÌM TƯ LIỆU VỀ BÁC HỒ

Sau một tháng sang Nga tìm tư liệu về Bác Hồ, chị Phạm Thị Lai, trưởng phòng tư liệu Bảo tàng Hồ Chí Minh - người phụ trách nhóm công tác cho biết:

“Tất cả sẽ được công bố sau khi đã được phân loại, nghiên cứu và trình kết quả lên cấp có thẩm quyền. Có những bí mật mà tôi không đủ thẩm quyền công bố, và thật ra ngay ở Nga nó cũng chưa được giải mật”.

Theo chị Lai thì một tháng tìm kiếm, làm việc kể từ khi đặt chân xuống sân bay đến khi xách những chiếc va-li nặng trĩu tài liệu quý về nước: “Lưu trữ lịch sử chính trị quốc gia Nga là cơ quan lưu trữ lớn nhất nước Nga, có tới 685 phòng lưu trữ (phòng là đơn vị lưu trữ lớn nhất theo thuật ngữ của chuyên ngành lưu trữ) với 2,1 triệu hồ sơ lưu trữ. Trong đó, tư liệu về Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ chỉ là một mục lục trong một hồ sơ, với số lượng tài liệu hiện vật khoảng 7.000 trang. Trước đây, thời Liên Xô, các bạn có tặng chúng ta



Bác Hồ vào năm 1933 khi vừa từ Trung Quốc trở lại Nga (ảnh do cán bộ Bảo tàng Hồ Chí Minh thu thập được trong chuyến công tác tại Nga năm 2008).

hầu hết các tài liệu mà họ lưu giữ, song chỉ là bản sao chụp, đen trắng, không rõ nét, nay chúng tôi phải tìm cách tiếp cận với hồ sơ gốc để scan. Quy định của cơ quan lưu trữ Nga là mỗi người mỗi ngày chỉ được đọc 5 đơn vị hồ sơ, 1.000 trang cũng tính là một đơn vị, mà đặt tài liệu vào thứ hai thì thứ tư mới có để đọc”.

Trong số tài liệu mang về, chị Lai thích nhất là bức ảnh Bác Hồ vào năm 1933, khi từ Trung Quốc quay lại Nga, với áo dài, khăn, giày, kính như một phú thương Trung Hoa.

Chị Lai kể “Bảo tàng của chúng tôi có trưng bày cả bộ quần áo ấy, cả khăn, mũ, kính ấy, nhưng chưa có tài liệu nào, hình ảnh nào cho thấy Bác đã mặc chúng như thế nào. Khi nhìn thấy bức ảnh ấy lần đầu trong lưu trữ Nga, tôi đã ghen ngào vì sung sướng... Chúng tôi đã thống kê Bác có hơn 160 tên, nhưng mỗi lần gặp một tài liệu với một tên mới của Bác, vẫn không bao giờ hết ngạc nhiên về khả năng phi thương của Người”.

Chị Lai còn cho biết có nhiều thư Bác viết bằng tiếng Anh, tiếng Pháp, được trợ lý của họ dịch ra tiếng Nga và được lưu trữ cẩn thận, dù chỉ là hai dòng bút tích v.v...

(Theo Thu Hà)

8. BẾ NHẬT HUYỄN - NGƯỜI CÔNG NHÂN IN ĐẦU TIÊN

Tháng 5-1941, với danh nghĩa đại biểu của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8. Đây là một Hội nghị Trung ương có ý nghĩa rất quan trọng với mục tiêu giải phóng dân tộc. Hội nghị đã quyết định thành lập tổ chức Việt Nam Độc lập Đồng minh, tức Mặt trận Việt Minh để đoàn kết rộng rãi tất cả mọi người dân Việt Nam yêu nước nhằm đánh đổ thực dân Pháp, phát xít Nhật, giải phóng Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, tự do.

Nguyễn Ái Quốc chăm lo công việc chung của toàn Đảng, toàn dân và trực tiếp chỉ đạo xây dựng tổ chức Việt Minh ở tỉnh Cao Bằng. Do đó, Người đã sáng lập tờ báo Việt Nam Độc Lập (gọi tắt là Việt Lập), cơ quan tuyên truyền của Tỉnh bộ Việt Minh Cao Bằng.



Để tờ báo được ra đời nhanh chóng, Người chăm sóc mọi việc của tờ báo, như viết bài, sửa bài, vẽ tranh, đào tạo cán bộ viết bài cho đến việc viết chữ ngược lên đá làm bản in, lo phương tiện in, chọn địa điểm in và cả công tác phát hành, phổ biến tờ báo rộng rãi trong nhân dân. Nhiều lần, chính Người đã trực tiếp làm “công nhân in” như: viết chữ trái lên bản đá, trái giấy, đặt giấy, giúp những anh em khác lăn ru-lô để in.



Báo Việt Nam Độc Lập số 1 được in ra ngày 1-8-1941, nhưng đã được đánh số là 101 với ý nghĩa là kế tục sự nghiệp của những tờ báo in bí mật đã ra đời trước đó. Năm 1944, tờ báo phát hành khắp 3 tỉnh Cao-Bắc-Lạng, sau là báo liên tỉnh Cao Bằng - Bắc Cạn, rồi từ số 187 ra ngày 30-1-1944 lại là báo liên tỉnh Cao-Bắc-Lạng.

Sau Cách mạng Tháng Tám (19-8-1945) thành công, báo Việt Nam Độc Lập vẫn tiếp tục xuất bản, in ly-tô, là cơ quan ngôn luận của 3 tỉnh Cao-Bắc-Lạng. Về sau trở về thành cơ quan của Tỉnh uỷ Cao Bằng.

Đảng bộ Cao Bằng lựa chọn và cử đến giúp việc in báo với Bác Hồ một đoàn viên thanh niên thường được gọi là Vân Trình, tên thật là Bế Nhật Huyến, quê ở Châu Hoà An, một dòng họ có thanh thế rất lớn ở Cao Bằng. Anh đã từng là học sinh năm thứ tư hệ Cao đẳng tiểu học ở trường Bưởi Hà Nội (nay là trường Chu Văn An). Vân Trình là người miên ngược duy nhất học ở trường Bưởi hồi đó, lại rất chăm học, thân mật với bạn học, nên được nhiều người có cảm tình và chú ý.

Sau khi nhận quyết định của Đảng bộ, Vân Trình được gửi cấp tốc đi học nghề in ly-tô và chuẩn bị gấp rút các dụng cụ cần thiết để in báo.

(Theo Việt Linh)

9. TỪ MÙA XUÂN ẤY

Ngày 28-1-1941, đất nước đón một người con của dân tộc, trước đó 30 năm đi tìm chân lý để về giúp đồng bào trong tình cảm:

*"Bác đã về đây, Tổ quốc ơi,
Nhớ thương hòn đất, ấm hơi Người
Ba mươi năm ấy, chân không nghỉ
Mà đến bây giờ mới tới nơi".*

(Tố Hữu)

Từ mùa xuân này, Đảng ta, nhân dân ta, cách mạng Việt Nam ta có người trực tiếp dẫn lối, đưa đường.

Từ mùa xuân ấy, chúng ta có Mặt trận dân tộc thống nhất để đoàn kết toàn dân làm nên những mốc son lịch sử: Tháng 8 năm 1945; Tháng 5 năm 1954, Tháng 4 năm 1975.

Từ mùa xuân ấy, chúng ta có lực lượng vũ trang hùng



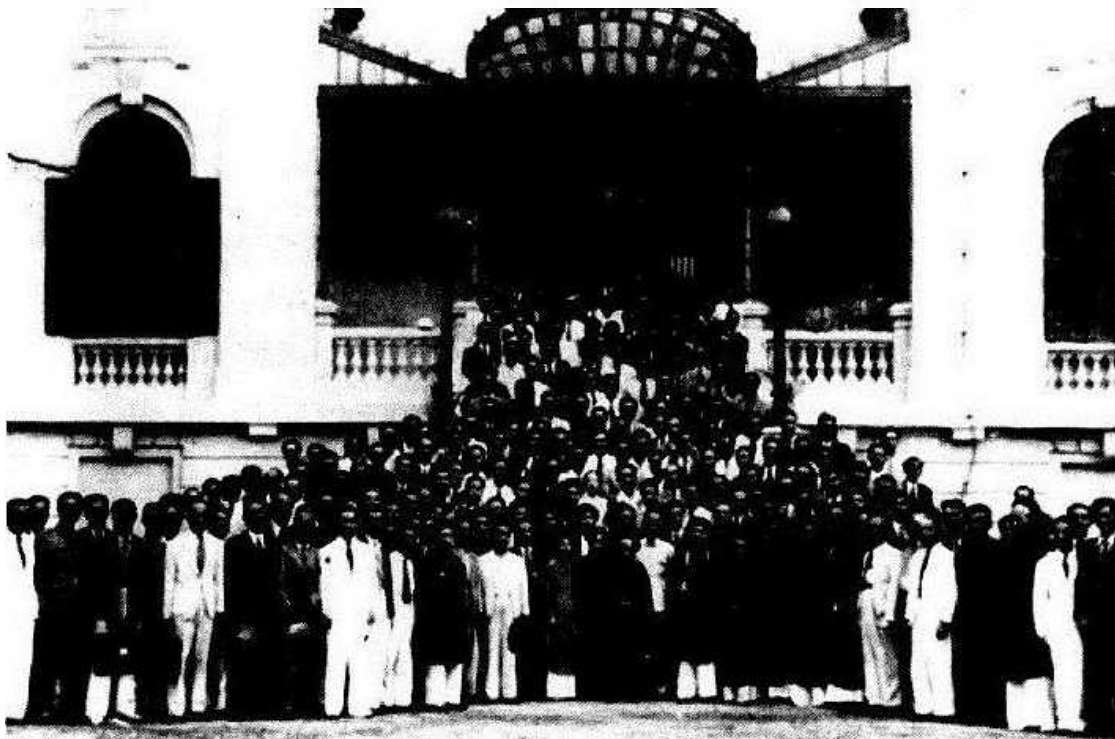
mạnh mang bản chất "Bộ đội Cụ Hồ" góp sức mạnh cùng với dân tộc bách chiến, bách thắng. Vâng lệnh Đảng để thực hiện lời Bác Hồ dạy: "Giúp bạn là tự giúp mình" nên đã giúp dân tộc khác thoát khỏi họa diệt chủng.



Từ mùa xuân ấy, Đảng ta có người trực tiếp rèn luyện, làm nên Cách mạng Tháng Tám 1945 mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam; 45 tuổi thống nhất được giang sơn; 56 tuổi làm cuộc đổi mới để tạo đà cho Việt Nam ta phát triển mạnh trong thế kỷ XXI.

Từ mùa xuân ấy, tới những mùa xuân sau mà bắt đầu từ Tết năm 1942, chúng ta cảm ơn Người đã cho chúng ta những phút giây thiêng liêng, nhưng lại gần gũi như ruột thịt của người Cha, người Bác, người Anh, trong phút giao thừa của Tết cổ truyền dân tộc gửi tới mỗi người, mỗi gia đình những vần thơ chúc Tết với những tình cảm sâu sắc của mình. Và vào những phút giây đó ta lắng nghe thơ Bác với tất cả tâm hồn mình, hình như Bác đang nói với mình, qua những vần thơ chúc Tết, nhưng đó là lời hịch của non sông, đất nước.

Từ mùa xuân ấy, Người dẫn ta đi tiếp những mùa xuân lịch sử đáng ghi nhớ: Xuân 1946, ngày 6-1 quốc dân đi bỏ phiếu bầu Quốc hội đầu tiên “đưa quốc dân ta lên con đường mới mẻ”.



Bác Hồ và đại biểu Quốc hội khoá I (1946).

SỨC MẠNH TỬ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

Xuân 1951, Đại hội Đảng lần thứ II xây dựng Đảng Lao động Việt Nam mạnh mẽ, đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, xây dựng Việt Nam dân chủ mới. Xuân Mậu Thân 1968 đã đi vào lịch sử - mùa xuân tổng tiến công và nổi dậy của quân dân miền Nam... bước tập dượt cho cuộc tổng tiến công toàn thắng mùa xuân 1975.

Xuân năm 2000 - mùa xuân cuối cùng của thế kỷ XX - thế kỷ mà với dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam với sự dẫn dắt của người anh hùng vĩ đại Hồ Chí Minh thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng: Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước; đó là mùa Xuân Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh kỷ niệm 70 tuổi, tổng kết đợt 1 của công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng thật sự là đảng cầm quyền, tiếp tục lãnh đạo dân tộc, đất nước và cùng với đất nước, dân tộc bước sang thế kỷ XXI - thế kỷ mà đất nước đã độc lập thống nhất, đi vào xây dựng cơ đồ Việt Nam đang hoàng, to đẹp và văn minh.

(Theo Trần Việt Hoàn)

10. MỘT SẮC LỆNH ĐẦU TIÊN CỦA NHÀ NƯỚC NON TRẺ

Ngay sau ngày lịch sử 2-9-1945 - ngày lễ Độc Lập, Bác triệu tập cuộc họp phiên đầu tiên của Chính phủ ngày 3-9-1945. Bác đưa ra các vấn đề cấp bách mà Chính phủ cần thảo luận và thực thi khẩn cấp, trong đó có hai nhiệm vụ đầu tiên phải tiến hành ngay là: mở ngay những cuộc lạc quyền, tăng gia sản xuất để cứu đồng bào thoát khỏi nạn đói và mở chiến dịch chống mù chữ trong toàn quốc.

Nhiệm vụ quan trọng thứ hai mà Bác Hồ đề ra là trách nhiệm đang đè nặng trên vai bộ trưởng giáo dục, vì hơn nửa thế kỷ Pháp thuộc, hơn 90% dân bản xứ bị mù chữ và chính nạn thất học là một quốc nạn ngày ấy.

Ngày 8-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để phụ trách việc chống mù chữ trong cả nước, một trong những sắc lệnh đầu tiên của nhà nước non trẻ.

Sau này, ông Vũ Đình Hoè (nguyên Bộ trưởng Bộ Quốc gia giáo dục chính phủ lâm thời) kể:

“Ngay những ngày đầu Chính phủ hoạt động, Hồ Chủ tịch dành hẳn một giờ





để tiếp đoàn cán bộ cao cấp của Bộ Giáo dục sang Phủ Chủ tịch làm việc. Biết rõ tác phong ngắn gọn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi đi ngay vào vấn đề: “Thưa Cụ Chủ tịch, chúng tôi xin phép trình bày ba việc để xin Cụ chỉ giáo”. Bác nói ngắn gọn và hỏi: “Tôi nghe. Việc thứ nhất?”. “Xin trình Cụ hai dự thảo Sắc lệnh, một là thanh toán nạn mù chữ trong vòng một năm và hai là sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ”. Hồ Chủ tịch sau khi hỏi thăm về cơ sở vật chất do Nha Bình dân học vụ, đã nhanh chóng tán thành. Chúng tôi đề nghị cho Bộ Giáo dục chỉ thị ngay trong năm học tới đây, tất cả các trường, kể cả đại học, chỉ được dùng tiếng Việt khi học, khi dạy và trong mọi kỳ thi. Hồ Chủ tịch bảo: “Hay đấy, nhưng có vội quá không? Các ông đã chuẩn bị đủ chưa?”.

Sau sự phân công phụ trách các chức vụ, Bộ Quốc gia giáo dục tổ chức hội nghị toàn quốc bình dân học vụ để bàn kế hoạch triển khai sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xoá nạn mù chữ trong một năm. Đi liền với hội nghị là khai mạc lớp đào tạo giáo viên bình dân học vụ đầu tiên cho toàn quốc, mang tên “Khoá Hồ Chí Minh” được vinh dự đón Hồ Chủ tịch đích thân đến dự.

(Theo Vũ Bình)

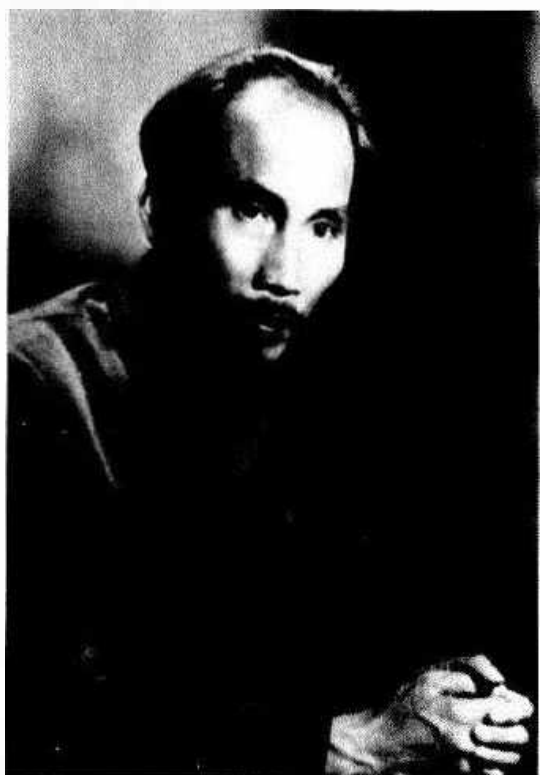
11. NGƯỜI LÁI XE TẬN TUY CỦA BÁC HỒ

Ông Hà Ngọc Nguyên là một công dân cao tuổi, tổ trưởng tổ dân phố 51 hàng chục năm ở phố nhỏ Liên Trì, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm (Hà Nội), lại là người lái xe tận tụy phục vụ Bác Hồ khoảng thời gian từ tháng 10-1945 đến ngày toàn quốc kháng chiến (12-1946).

Gặp ai ông cũng kể lại thời gian phục vụ Bác: “Hồi đó chúng tôi được ăn ở tại số 8 Lê Thái Tổ. Bác làm việc và nghỉ trên gác hai. Trong nhà này, chỉ có Bác, anh Cả⁽¹⁾, chị Thanh, anh Khương (cấp dưỡng), hai đồng chí bảo vệ Văn Lâm, Ngọc Hà và tôi. Ông Lang Cáp chăm sóc sức khỏe cho Bác, nhưng không ở đây, thỉnh thoảng mới đến. Tôi không

thể nào quên những cử chỉ, lời nói thân thương mà Bác đã dành cho chúng tôi.

Hằng ngày, sáng sớm, Bác xuống sân tập thể dục. Tất cả anh em đều tập theo Bác. Bữa ăn sáng của Bác rất đơn sơ và đúng 7 giờ. Bác xuống gác, ra xe. Người lái xe luôn túc trực theo giờ giấc, sẵn sàng nổ máy. Trên xe, anh Vũ Đình Huỳnh, thư ký của Bác ngồi phía trước với lái xe, còn Bác ngồi ghế sau giữa hai đồng chí bảo vệ. Xe



(1) Anh Cả là đồng chí Nguyễn Lương Bằng.

đưa Bác đến Bắc Bộ phủ. Một ngày làm việc của Bác thường cho đến tối mịt. Trưa, người lái xe về nhà lấy cặp lồng cơm do chị Thanh chuẩn bị, đưa đến Bắc Bộ phủ để Bác dùng. Bữa cơm thường đạm bạc: có bát canh, ít rau, thịt hoặc cá. Bữa tối, Bác về nhà dùng cơm cùng tất cả anh em, bình dị, thân thiết như người cha với các con. Bác ngồi giữa chiếc bàn dài, anh Cả ngồi cạnh. Nhiều hôm, bữa ăn tối vào lúc 8, 9 giờ, vì Bác bận việc, về muộn.

Dịp Tết Nguyên đán hoặc khi rảnh, Bác tranh thủ đi thăm cơ sở, thăm đồng bào. Có lần Bác về Phát Diệm gặp giám mục Lê Hữu Từ, lúc đó là Cố vấn Chính phủ. Xe đi về trong ngày, anh em cùng đi rất lo lắng, cho nên đã chuẩn bị thật kỹ để đối phó với mọi tình huống xấu nếu xảy ra. Chuyến đi được bảo đảm an toàn, ai cũng vui.

Một lần khác, Bác đến nói chuyện tại Đông Dương học xá. Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam, thủ lĩnh của Quốc Dân Đảng, cũng đến đó. Giữa buổi, Vũ Đình Huỳnh ra xe hỏi lái xe: “Bây giờ về, có con đường nào khác không?”. Người lái xe đoán là có chuyện không hay nên nói với người thư ký: “Chỉ có một lối về, trở lại đường đã đi. Khi nào Khanh và Tam ra thì mời Bác ra luôn. Tôi sẽ lách, cho xe mình đi vào giữa hai xe bọn chúng. Bác lên xe, tôi nổ máy, dọc đường phải phun nước lên kính và dùng hai cái gạt nước, vì phóng nhanh, bụi mù...”. Đến gần Nhà máy cơ khí Trần Hưng Đạo, xe ta quật, rẽ sang Bà Triệu, suýt nữa xe chở Nguyễn Tường Tam đụng phải xe mình.

Sáng hôm sau, chị Thanh quát người lái xe: “Thằng ranh! Tí nữa thì mày mất mạng!”. Thì ra, bọn phản động đã ném lựu đạn nhưng trượt khỏi xe của ta...

Như nuôi tiếc một quãng đời đẹp, người lái xe tận tụy của Bác Hồ kể tiếp: “Tôi chỉ là một công dân bình thường. Một năm hai tháng được phục vụ Bác, được sống bên cạnh Bác quả là quãng đời đẹp nhất của tôi. Tôi luôn thực hiện phương châm bí mật, bất ngờ trong công tác... Tôi đã bảo đảm an toàn tuyệt đối trong thời gian phục vụ Bác”.

(Theo Ngô Thi)

12. GẶP BÁC HỒ Ở DJIBOUTI

Ông Hứa Đa Beruard - cựu quan toà Djibouti (Đông Bắc châu Phi) đã kể chuyện gặp Bác Hồ cho một người bạn tại thành phố Cannei năm 1995 như sau:

“... Tôi đã theo cha mẹ tôi sang Djibouti lúc mới 6 tháng tuổi. Cha mẹ tôi lúc đó làm việc cho Hãng tàu biển Messagérie Maritime tại Sài Gòn, được hãng tàu cử sang làm đại lý tại Djibouti năm 1928. Lúc đó, gia đình chúng tôi là người Việt Nam đầu tiên và duy nhất đến nước này.

Chính quyền Pháp gọi Djibouti là đất hải ngoại (territoire d'outremer) cũng là Territoire français des Jssas et Afara (TFIA). Djibouti gồm hai dân tộc thiểu số gốc Somalie, rộng khoảng 23.000km², có khoảng 100.000 dân, nằm trong vùng Hồng Hải và Ấn Độ Dương.

Tôi còn nhớ rõ là năm 1946, Bác Hồ đã đi dự Hội nghị Fontainebleau, lúc trở về Việt Nam, Bác được Chính quyền Pháp đưa đi trên chiếc tàu chiến Dumont Durville. Tàu này ghé nghỉ ba ngày tại Djibouti (nay là Cộng hoà Djibouti).

Toàn quyền Pháp ở Djibouti rất trọng vọng vị khách quý của mình. Họ cho tôi đến dinh Toàn quyền tham dự buổi gặp đầu tiên chiêu đãi Bác Hồ. Lúc đó, tôi chỉ là một viên chức trẻ tuổi trong Toà án Djibouti. Tôi đến gặp Bác Hồ với một tấm lòng vừa phấn chấn, vừa lo âu không biết phải đối đáp thế nào cho phải. Nhưng, vừa trông thấy tôi, Bác đã ân cần hỏi han thân mật, nói chuyện rất tự nhiên làm tôi cảm nhận ngay một sự gần gũi và cởi mở.

Bác hỏi về gia đình cha mẹ tôi, về công việc làm ăn tại Djibouti lúc đó. Bác đã khuyên bảo tôi phải làm việc cho tốt,



Việt kiều và nhân dân Paris tuần hành mừng phái đoàn Việt Nam (6-1946).

ra sức học hành và cần dặn khi có cơ hội thì trở về thăm quê hương Vĩnh Long và nước nhà. Bác lặp đi lặp lại rằng Việt Nam chúng ta mong muốn hoà bình và độc lập. Khi nền độc lập còn non trẻ thì chẳng khác nào đứa trẻ mới biết đi chập chững... Bác phân biệt rõ nhân dân Pháp rất tốt, khác với chính quyền Pháp lúc đó. Giọng nói của Bác ấm áp, thân quen, giải thích rõ ràng và dễ hiểu.

Tôi còn nhớ rất rõ dáng dấp của Bác mở hộp đựng thuốc hút, tự vắn lấy điếu thuốc cho mình. Bác vắn một đầu lớn một đầu nhỏ. Tôi nhớ cả đôi giày đen Bác mang không phải buộc bằng dây mà là cài qua một bên. Bác mặc bộ đồ giản dị, gài kín cổ. Phong cách của Bác đã cho tôi một sự cảm nhận là rất dễ gần gũi vừa nói chuyện với nhau không có sự cản trở, cách biệt về tuổi tác và vị trí xã hội. Bác đã tiếp đãi tôi suốt hai tiếng đồng hồ tại dinh Toàn quyền.

Qua hôm sau, tôi lại được ông toàn quyền Pháp mời tham dự buổi chiêu đãi trên chiếc tàu chiến Dumont Durville. Lần

này, tôi thấy có quay phim. Tôi nói với người quay phim hôm đó cho tôi vài tấm ảnh kỷ niệm. Bây giờ, tôi tiếc không hiểu tại sao lúc đó tôi không chủ động mang theo máy ảnh để xin ảnh của Bác có hơn không, vì người quay phim đã không giữ lời hứa.

Bác bảo người trong đoàn hướng dẫn tôi xem một phòng chứa đầy thuốc men được mang về cho chiến trường Việt Nam.

Hai năm sau (1948), tôi theo cha tôi về thăm Việt Nam, Vĩnh Long - quê hương của gia đình tôi. Nỗi vui mừng sâu đậm nhất mà tôi là sớm thực hiện được lời Bác đã căn dặn”.

(Theo Nguyễn Văn Phi)

13. MỘT LẦN RA VIỆT BẮC

Năm 1946, Nguyễn Văn Hoành bị giặc Pháp bắt và tra tấn cả tuần lễ vì có tham gia Thanh niên tiên phong. Chúng nói:

“Mày là Việt Minh, theo Hồ Chí Minh. Nếu mày chỉ ai làm Việt Minh ở địa phương này thì được thả, không thì bị xử bắn”.

Hoành không chỉ. Chúng bịt mắt anh, rồi thúc kẻ đưa đi hành hình. Định định bắn Hoành tại Sóc Sãi khi chợ đang họp để thị uy. Hoành yêu cầu bọn lính trước khi bắn, được mở trói và không bịt mắt. Không ngờ bọn chúng đồng ý, đầu tiên mở trói rồi mở băng bịt mắt. Hoành liền phóng chạy vào trong đám đông bà con đang họp chợ, bọn lính bắn chỉ thiên tứ tung, làm đồng bào chạy hỗn loạn, nhờ vậy mà Hoành chạy thoát.

Lần đầu tiên, khi bị giặc bắt, chúng nói: “Mày theo Hồ Chí Minh...”, Hoành không hiểu gì cả. Sau được nghe hát bài về Bác Hồ Chí Minh, anh mới biết Bác Hồ là vị lãnh tụ của đất nước. Bài hát do một người ở Ban Tuyên truyền của Khu 8 đi biểu diễn lưu động khắp nơi. Hoành nói: “Tôi cứ mơ ước được gặp Bác Hồ. Khi ấy tôi nghĩ chỉ có hăng say đánh giặc, giành được độc lập thì mới có thể gặp được Bác Hồ. Tôi xung phong vào đại đội 978 trung đoàn hải ngoại tỉnh Sa Đéc. Năm 1947, tôi tham gia đánh sáu trận, hăng hái xung phong cướp được nhiều súng giặc và được trung đoàn khen ngợi”.

Tháng 2-1948, Khu 8 chọn mỗi trung đoàn hai chiến sĩ chiến đấu gan dạ về Khu. Hoành và một chiến sĩ khác được chọn. Về Khu anh được vào tiểu đội bảo vệ, được trang bị vũ khí đầy đủ. Ngày 15-3-1948, đồng chí Trần Văn Trà, Tư lệnh Khu họp tiểu đội bảo vệ, đồng chí nói: “Các đồng chí



giữ gìn sức khỏe tốt, để bảo vệ phái đoàn Nam bộ ra chiến khu Việt Bắc báo cáo tình hình miền Nam cho Trung ương và Bác Hồ". Hoành mừng như được phần thưởng cao quý, đêm đó cứ thao thức, không sao ngủ được.

Rời Đồng Tháp Mười từ tháng 4-1948 mãi đến tháng 10-1948, đoàn cán bộ Nam bộ mới ra tới chiến khu Việt Bắc. Đoàn đã vượt Trường Sơn bằng đôi chân "vạn dặm" với hành trang, thức ăn, nước uống, tài liệu, vũ khí... ròng rã mấy tháng trời vất vả, băng qua những đôn bót, căn cứ của địch. Đi trước mắt quân thù, nhưng ai nấy như quên mọi cực nhọc nguy hiểm, mà chỉ thấy vô cùng hào hứng. Sức lực tiếp cho anh em trong đoàn trong cuộc hành trình "xuyên Việt" từ Nam ra Bắc chính là tình cảm "được gặp Bác Hồ".

Tháng 2-1949, đoàn từ Tân Trào trở về Nam. Bác Hồ đến thăm và ân cần nhắc nhở giữ gìn sức khỏe. Bác lại dặn: "Nhớ báo cáo với đồng bào, chiến sĩ rằng đoàn đã gặp Bác và Bác vẫn mạnh khỏe. Bác chuyển lời thăm hỏi đến toàn thể đồng bào, chiến sĩ miền Nam".

(Theo Nguyễn Văn Hoành)

14. LỜI BÁC DẪN NĂM XƯA

Trong lịch sử truyền thống nhà trường, thầy và trò trường Bưởi sau này là trường Phổ thông trung học Chu Văn An (Hà Nội) thật vinh dự và tự hào được đón Bác Hồ đến thăm nhiều lần.

Năm học đầu tiên sau khi nước nhà độc lập (1946-1947), mặc dù bận trăm công nghìn việc, Bác vẫn dành thời gian đến thăm và nói chuyện với thầy, trò nhà trường, nhắc nhở giáo viên và học sinh phấn đấu dạy tốt và học tốt. Sau ngày Giải phóng thủ đô 1957, Bác đến thăm trường nhiều lần nữa. Song để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong tâm trí giáo viên và học sinh trường Chu Văn An là lần Bác đến thăm trường vào ngày 31-12-1958.

Hôm ấy, khi Bác đến đang là giờ học buổi chiều, toàn trường yên ắng. Bác nghĩ ý muốn đi thăm trường ngay. Đồng chí hiệu trưởng đưa Bác đến thăm các lớp học, phòng triển lãm, một số cơ sở thực hành như: xưởng điều chế hoá chất, xưởng dạy kỹ thuật vô tuyến, xưởng đúc nhôm, xưởng mạ thí nghiệm...





*Chúc trường
Các Thầy dạy bảo tốt.
Các Cháu học tập tốt.
Mọi người lao động tốt.
Cả trường đoàn kết tốt.*

1.2.59 Hồ Chí Minh

Sau đó, Bác nói chuyện với toàn thể giáo viên và học sinh trong trường. Bác khen các thầy giáo, cô giáo, học sinh nhà trường năm học vừa qua đã có nhiều cố gắng, tiến bộ về mọi mặt. Bác nói:

“Nhà trường xã hội chủ nghĩa là nhà trường học đi với lao động, lý luận đi với thực hành, cần cù đi với tiết kiệm. Muốn xã hội chủ nghĩa, phải có người xã hội chủ nghĩa. Muốn có người xã hội chủ nghĩa phải có tư tưởng xã hội chủ nghĩa”.

Những câu nói mộc mạc, giản dị của Bác trong buổi nói chuyện với thầy và trò trường Chu Văn An hôm đó đã trở thành những luận điểm có tính nguyên lý, chỉ đạo phương hướng hoạt động của ngành giáo dục - đào tạo nước nhà. Đến nay và mãi mãi sau này, những câu nói đó vẫn còn nguyên giá trị thời sự. Cuối cùng, hôm đó, Bác nói:

“Tương lai đẹp đẽ là của tất cả mọi người. Mọi người phải cố gắng. Bác mong năm sau các cháu tiến bộ hơn. Các cháu phải xứng đáng là chủ nhân tương lai của nước Việt Nam hoà bình - thống nhất - độc lập - dân chủ và giàu mạnh. Các cháu có làm được không?” Cả trường đồng thanh hô vang: “Có ạ!”.

Lời căn dặn của Bác năm ấy được khắc trên tấm bia đá đặt ở vị trí trang trọng trên sân trường và in đậm trong tâm trí nhiều thế hệ thầy và trò trường Chu Văn An.

(Theo Kiều Hương)

15. Y NGÔNG NHỚ ON NGƯỜI

Trước ngày Tổng khởi nghĩa Tháng 8-1945, Y Ngông Niêk Đam tham gia công tác bí mật, tuyên truyền giải thích Điều lệ Mặt trận Việt Minh trong viên chức, trí thức người các dân tộc ở Đắc Lắc. Lúc này, Y Ngông mới biết người sáng lập Mặt trận Việt Minh là Hồ Chí Minh, mà Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, một người Việt Nam đã bôn ba khắp thế gian để tìm đường giải phóng dân tộc. Người đã hy sinh cả cuộc đời cho cách mạng Việt Nam.

Y Ngông chưa được gặp Bác Hồ, nhưng cứ tưởng tượng Bác như một nhân vật thần kỳ. Đó là một người cao lớn phi thường, thông minh, tài giỏi hơn người Pháp. Rồi Y Ngông trầm nghĩ: “Đất nước mình mà có được một người như thế, nhất định một ngày không xa sẽ được giải phóng, thoát khỏi ách nô lệ”. Mang trong tim hình ảnh vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc (dù trong tưởng tượng), Y Ngông thấy tình cảm của mình đối với cách mạng ngày càng tha thiết, nồng nhiệt hơn, trí tuệ mình mẫn hơn, lời nói của mình cũng có sức mạnh hơn. Hi vọng được gặp Bác cứ thấm dần và trở thành một nghị lực phi thường.

Cách mạng Tháng Tám thành công. Cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội (6-1-1946) thắng lợi. Y Ngông Niêk Đam trúng cử đại biểu Quốc hội và ước mơ được gặp Bác Hồ trở thành sự thật. Đã lâu lắm rồi mà Y Ngông vẫn không quên những cảm giác lần đầu tiên được gặp Bác trong kỳ họp Quốc hội lần thứ nhất năm 1946. Biết sẽ được gặp Bác, suốt đêm Y Ngông thao thức mong đợi. Cho đến khi được nắm bàn tay ấm áp của Bác, Y Ngông vẫn ngỡ là mình đang mơ... rồi cứ nắm tay Bác thật chặt, thật lâu.

Y Ngông cứ nhớ mãi hồi ấy Bác gầy lắm, nhưng đôi mắt Bác thì sáng một cách kỳ lạ. Trán Bác cao và rộng, biểu hiện của một trí tuệ tuyệt vời. Bác nói thật giản dị và dễ hiểu:

“Bác hoan nghênh các đại biểu dân tộc đã khởi nghĩa cùng một lúc với người Kinh. Các dân tộc đều đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, đều tán thành điều lệ, đường lối của Việt Minh. Tất cả đều xác định được công việc mình làm là tốt, mang lại quyền lợi cho dân tộc mình. Các đại biểu Quốc hội đã có quyền tham gia công việc nước nhà mà trước đó không có. Ngày nay, nước Việt Nam là nước chung của người Kinh, người Thượng. Quốc hội là Quốc hội chung. Chính phủ là chính phủ chung của cả nước. Từ nay về sau, công việc còn nhiều, khó khăn cũng còn nhiều. Các dân tộc phải tiếp tục đoàn kết, đoàn kết với người Kinh để tiếp tục làm công việc của Việt Minh: Chống kẻ thù xâm lược và nhất định sẽ đánh thắng chúng”.

Lời Bác nói đến đâu thấm đến đó. Y Ngông cảm thấy Bác gần gũi với các dân tộc Tây Nguyên quá. Bác như một nhân vật hiện ra từ trong ước mơ của các dân tộc Tây Nguyên.

Với tư cách là đại biểu đại diện cho các dân tộc Tây Nguyên trong Quốc hội, Y Ngông Niêk Đam mang theo hình ảnh Bác Hồ với những lời dạy bảo quý báu của Bác về Tây Nguyên, vừa sung sướng, vừa lo lắng: “Được gặp Bác, người to nhất nước nói việc lớn thế này không biết mình có làm được không?”. Trở về địa phương, Y Ngông tiếp tục làm công tác dân vận, đã làm cho nhân dân qua những việc làm cụ thể như: hưởng quyền lợi về kinh tế, xoá bỏ chế độ phu phen, tạp dịch, thuế khoá bất hợp lý...

Trong lòng người Tây Nguyên, Bác là ông sao sáng nhất trên trời, là bông hoa đẹp nhất trong rừng, là gạo trong ché, là muối trong ống... Không phải mới hôm nay, mà ngay từ những ngày đầu cách mạng, hình ảnh Bác Hồ đã in sâu trong trái tim của người dân Tây Nguyên.

Theo Y Ngông Niêk Đam

16. XUÂN GIAO MƠ GẶP BÁC HỒ

Nhạc sĩ Xuân Giao quê ở Văn Lâm, Hưng Yên, sinh năm 1932 tại Hải Phòng. Ngay khi còn trẻ, ông rất thích ca hát, sinh hoạt trong tổ chức Hướng đạo sinh, lại được nhạc sĩ Hoàng Quý hướng dẫn về âm nhạc.

Tháng 12-1946, Xuân Giao 14 tuổi, được tham gia đoàn thiếu nhi đón Bác Hồ từ Pháp về. Hải Phòng với cả một biển người và hoa. Đón Bác, các em thiếu nhi hát vang bài *"A, Bác chúng em đã về a! A! A!"* rồi bài *"Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên, nhi đồng"* của Phong Nhã.

Hình ảnh Bác Hồ vĩ đại, thiêng liêng mà xiết bao gần gũi đã in sâu trong tâm khảm của Xuân Giao. Rồi anh thanh niên Xuân Giao tham gia kháng chiến, vào Trường sĩ quan Lục quân rồi về trung đoàn 99 được bổ sung cho đoàn văn công trung đoàn, sau được rút về tăng cường cho Đoàn Văn công Tổng cục Chính trị. Những năm ở đây, Xuân Giao có nhiều dịp được cùng anh chị em trong đoàn diễn khi Bác Hồ chiêu đãi khách nước ngoài. Mỗi lần được gần Bác, Xuân Giao rất vui và sau này ông kể: *"Bọn mình chỉ ngắm Bác Hồ, thấy Bác như Cha già, như ông tiên trong truyện cổ tích..."*.

Năm 1958, được cùng đoàn Thanh niên Việt Nam đi dự Festival Thanh niên thế giới, đoàn ta đi một vòng qua các nước Trung Quốc, Mông Cổ và khi đến thủ đô Bình Nhưỡng (Bắc Triều Tiên), được biểu diễn cho Bác xem. Xuân Giao nhắc lại: *"Hôm đó có bài Trống cơm, Bác rất thích, biểu*



Nhạc sĩ Xuân Giao.
Ký họa của Văn Cao

diễn xong, mọi người quây quần bên Bác. Bác hỏi: “Dân ca Việt Nam hay lắm, cần tìm hiểu, khai thác kho tàng quý báu này của ông cha ta. Các cháu có biết từ “tang bồng” là gì không?”. Mọi người ngớ ra. Bác quay lại hỏi đồng chí Đại sứ, đồng chí cũng không trả lời được...”. Lời Bác nói thấm sâu trong tâm hồn Xuân Giao, nên càng say mê tìm hiểu dân ca, âm nhạc các miền đất nước.

Năm 1960, Xuân Giao rời quân ngũ về Nhà xuất bản Âm nhạc, viết nhiều tác phẩm nổi tiếng một thời, nhờ khai thác chất liệu dân ca các vùng, âm điệu trữ tình tươi trẻ, lạc quan, ca từ nhiều chất thơ, như: “*Gửi biển trời Quảng Bình - Vĩnh Linh*”, “*Chào sông Mã anh hùng*”, “*Cô gái mở đường*”... và một bài hát mà từ em bé mẫu giáo đến cụ già bạc tóc đều thuộc, đều thích, đó là bài “*Em mơ gặp Bác Hồ*”.

Trong các bài hát do Xuân Giao sáng tác, bài “*Em mơ gặp Bác Hồ*” là bài mà ông có nhiều kỷ niệm và chất liệu quý báu nhất. Ông kể lại như sau:

“Hình ảnh Bác Hồ in đậm trong tâm trí tôi từ khi được đón Bác tại Hải Phòng năm 1948. Rồi nhiều lần được biểu diễn phục vụ Bác, những kỷ niệm đó luôn sống mãi trong trái tim tôi. Những lần đi biểu diễn, công tác, có dịp, tôi lại kể cho mọi người nghe về những lần được gặp Bác, người nghe không chán mà người kể cũng không chán. Những lần đó cũng hiểu niềm yêu kính Bác của người dân ta lớn lao, thành kính và tự nhiên đến nhường nào, cũng hiểu được ai cũng mơ ước được gặp Bác. Có lẽ trên thế giới Bác Hồ là vị lãnh tụ được nhiều nhạc sĩ say mê viết nhiều bài hát nhất. Có cả những nhạc sĩ ở nước ngoài nữa, và có rất nhiều bài hay. Tôi tự nghĩ được sáng tác bài hát về Bác là mong ước của mỗi nhạc sĩ Việt Nam.

Năm 1969, Bác Hồ qua đời, trong nỗi đau thương mất mát lớn lao đó, có những bài hát thương xót, đầm nước mắt. Hình ảnh Bác Hồ như tôi đã hiểu “Bác Hồ không mất, Bác là bất diệt”. Thế là bài hát “*Em mơ gặp Bác Hồ*” ra đời (1970). Tôi mang đến Đài Tiếng nói Việt Nam và mấy hôm sau được phát trên làn sóng và được đưa vào chương trình dạy hát trên đài...



"Đêm qua em mơ gặp Bác Hồ. Râu Bác dài tóc Bác..."

Hầu hết ở tất cả các nhà trẻ, mẫu giáo các cháu đều yêu thích bài hát này.

Lần nọ, nhạc sĩ Xuân Giao đi công tác ở Tây Bắc, gặp đồng chí Chủ tịch xã người Mông. Khi nghe giới thiệu Xuân Giao là tác giả bài hát *"Em mơ gặp Bác Hồ"* thì đồng chí Chủ tịch xã ôm lấy Xuân Giao rồi nói: "Mình thuộc bài hát đấy, vợ thuộc, con thuộc... rồi đến mấy đứa cháu cũng thuộc, cả nhà đều thuộc đấy. Ở đây, các cháu mẫu giáo nó hát bằng tiếng Mông thôi". Đi đến đâu nghe các cháu hát và múa bài *"Em mơ gặp Bác Hồ"*, nhạc sĩ Xuân Giao rất xúc động và càng nhớ công ơn Đảng và Bác Hồ. Có Đảng, có Bác mới có cuộc sống tươi đẹp ngày hôm nay.

(Theo Minh Khuê)

17. AM “NHẬT NGUYỆT”

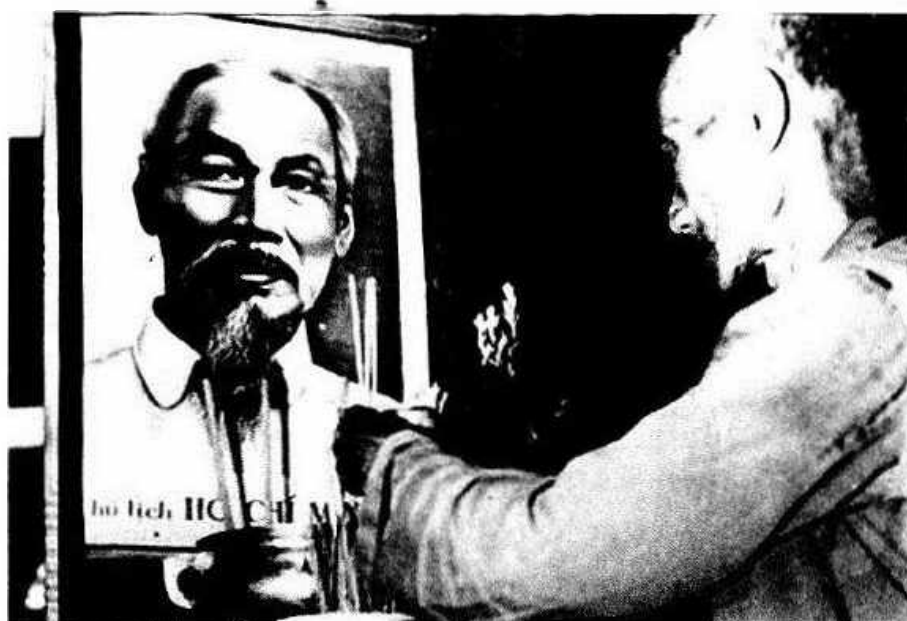
Ông Tư Ninh tham gia cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ (23-11-1940), bị truy lùng, trốn ra mũi Rạch Tàu, Cà Mau, nơi tốt cùng của đất nước.

Cuộc Khởi nghĩa Nam kỳ do Xứ uỷ Nam Kỳ lãnh đạo, đã diễn ra ở hơn 10 tỉnh từ giữa đêm 22 rạng ngày 23-11 cho đến 31-12-1940. Số người bị bắt là 5.848 (Mỹ Tho có 2.901), chưa kể số người bị bắt sau khi giặc Pháp chiếm Hòn Khoai (Bạc Liêu). Số cán bộ lãnh đạo bị thiệt hại nặng. Tại Hội nghị Trung ương Đảng tháng 8-1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc nhận định: “Những cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương đã gây ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương”.

Cuối năm 1946, quân Pháp đến chiếm Cà Mau, ông Tư Ninh sống tại mũi Rạch Tàu vừa đánh cá, bắt sò, đốt than kiếm sống, vừa làm nhiệm vụ dò la tin tức của địch, báo cho cách mạng. Ông dựng một cái am - một bàn gỗ có mái gỗ che, dưới rừng đước thưa. Trong am, treo tấm ván viết hai chữ Hán to “Nhật Nguyệt”.

Giữa năm 1948, một sĩ quan nguy tóc đã hoa râm đến và gọi ông Tư ra hỏi ý nghĩa hai chữ “Nhật Nguyệt”. Ông Tư thản nhiên đáp:

- Khắp nước Việt Nam, mặt trời, mặt trăng mọc ở phương Đông rồi lặn ở phương Tây. Nhưng ở nơi bị cây che, núi lấp thì không ai thấy mặt trời, mặt trăng lặn, mọc. Riêng ở đây thì thấy cả mặt trời, mặt trăng mọc ở chân trời bên này, lặn ở chân trời bên kia rất rõ, nên tôi đề “Nhật Nguyệt” cho thêm vui kiếng mà thôi...



Người sĩ quan nhú mày ngẫm nghĩ rồi cười bảo:

- Ý nghĩa sâu xa chắc là khác. Muốn thấy được mặt trời, mặt trăng như bác nói thì phải có tấm lòng kẻ sĩ, phải là sĩ phu, chứ không phải sĩ quan nguy như tôi, phải không bác?

Ông Tư giật mình, vì hai chữ Nhật - Nguyệt ghép lại với nhau thành chữ “Minh” là tên Bác Hồ. Anh ta bảo phải có “tấm lòng kẻ sĩ” tức là “sĩ tâm”, chữ “sĩ” đặt trên chữ “tâm” thành chữ “Chí”. Vậy là anh ta đã hiểu quá rồi còn gì!

Người sĩ quan cười, quay đi. Tuy vậy, ông Tư vẫn lo lắng để đề phòng, ông bỏ trốn đến nơi khác. Ba tháng sau, được tin “Am Nhật Nguyệt” vẫn còn, ông mới yên tâm trở về.

Suốt ba mươi năm, ông Tư đã nhiều lần thay cột, sửa mái, tô chữ “Nhật Nguyệt” cho mới. Sau ngày 2-9-1969, ông Tư dắt người cháu (ông Bạch, cán bộ huyện Năm Căn) đến am thấp hương, vấn khăn để tang Bác Hồ. Từ đó, trong am có thêm lư hương.

Am “Nhật Nguyệt” vẫn còn đến sau ngày miền Nam giải phóng. Nhưng ông Tư đã hy sinh vì bom Mỹ ở Rạch Quang trong chuyến đi chở nước ngọt cung cấp cho du kích.

(Người sĩ quan là đại úy Nguyễn Thành Niệm, về với cách mạng 1949).

(Theo Thanh Tịnh)

18. “CHÚ MÀY CHƯA MẤT GỐC”

Sau này, bác sĩ Trần Hữu Tước nhớ lại: Tháng 9 năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pháp về nước, có bốn nhà trí thức Việt kiều theo Bác về, trong đó giáo sư Trần Hữu Tước được cử làm bác sĩ riêng của Người.

Bốn mươi lăm ngày trên tàu biển, Bác Hồ tranh thủ trao đổi với các nhà trí thức lâu ngày xa quê tình hình đất nước hiện tại để khi về nhà khỏi bỡ ngỡ...

Bác sĩ Tước nhớ lại lần Bác Hồ tiếp các trí thức ngành y học tại Paris chưa lâu. Anh chị em ngồi chật cả phòng khách. Một chị ở Nam bộ mới sang Pháp, băn khoăn hỏi: “Nên gọi cụ Hồ là Chủ tịch, Tổng thống hay Quốc trưởng”, thì từ buồng bên, Người bước sang, tươi cười bảo: “Gọi bằng Bác chứ!”. Ai nấy đều cười vui vẻ. Hôm ấy, Bác nói, đại ý:

- Học y là rất tốt, rất phù hợp với yêu cầu của nhân dân ở nước nhà... Nhưng có làm thầy thuốc suốt 24 giờ trong một ngày cũng không giải phóng được con người và bệnh tật của họ. Muốn giải phóng con người, phải thay đổi cơ cấu xã hội...

Một hôm, tàu qua Ấn Độ Dương, Bác Hồ lại hỏi bác sĩ Tước:

- Tại sao chú chọn học nghề thuốc?

- Thưa Bác, cháu ham mê nghề thuốc vì muốn mọi người hết đau khổ.

Bác cười và nói:

- Chưa đủ chú ạ! Phải thay đổi xã hội, phải làm cách mạng...

Thỉnh thoảng lúc rảnh rỗi, Bác Hồ cũng đọc thơ. Có hôm, Bác đọc cho anh em nghe bài thơ Bác làm trong tù có câu:

*“Ngẩng đầu nhìn trăng sáng
Cúi đầu nhớ người xa”.*

SỨC MẠNH TỬ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC



Trần Hữu Tước tại Đại hội Anh hùng Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

Rồi Bác giải thích:

- Đó là mình phỏng thơ Lý Bạch⁽¹⁾, chứ thật ra trong tù có nhìn thấy trăng sao gì đâu. Bây giờ mới thực là *"Ngẩng đầu nhìn trăng sáng; cúi đầu nhớ người xa"*.

Có hôm, Bác hỏi mấy nhà trí thức có đọc *"Kiều"*, đọc *"Chinh phụ ngâm"* không?

Ai nấy đều trả lời là rất thích đọc.

Bác ngoảnh sang phía bác sĩ Tước hỏi:

- Trong *"Chinh phụ ngâm"* chú thích câu nào nhất, chú Tước?

- Thưa Bác, cháu thích câu: *"Hương dương lòng thiếp như hoa"*.

Bác vừa đùa vừa khen:

- À! Chú này chưa "mất gốc".

(Theo Trần Hữu Tước)

(1) Nguyên văn câu thơ của Lý Bạch là:

"Cử đầu vọng minh nguyệt"

"Đề đầu tư cố hương".

(Nghĩa là: Ngẩng đầu nhìn trăng sáng

Cúi đầu nhớ quê nhà.)

19. GIÀ THUYẾT - NGƯỜI BẠN THÂN NGÀY NÀO

Từ ngày đi lính cho Pháp mãn hạn về nước, ông già Thuyết bị mù. Ông chẳng trò chuyện với ai, mà thỉnh thoảng chỉ ngồi lẩm nhẩm một mình bằng tiếng Tây, tiếng Ăng-lê. Ai cũng nghĩ ông dở người, lẩm cẩm.

Một hôm, ông nghe tin Cụ Hồ sang Pháp làm thượng khách của Chính phủ Pháp và dự hội nghị Phông-ten-nơ-blô nay trở về nước bằng tàu biển (Thông báo hạm Duy-mông Duyêc-vin-lơ), ghé qua Hải Phòng, ông già Thuyết vui hẳn lên. Ông nói chuyện huyền thuyên, rồi hát những bài ca bằng tiếng Anh, tiếng Pháp một cách say sưa.

Hôm chiếc tàu Đ. Duyêc-vin-lơ cập bến, đồng bào nô nức đi đón Bác Hồ. Mặc dầu trời nóng nực, ông già Thuyết vẫn lôi từ đáy hòm ra bộ quần áo da, ăn mặc đàng hoàng, chống “ba toong” cùng đi.

Biết Bác Hồ nghỉ tạm ở một trường học phố Ngõ Nghè, ông già Thuyết bảo cháu đưa mình đến gặp.

Cháu bé đưa ông già Thuyết đến cổng trường, rụt rè dừng lại. Ông già hỏi cháu:

- Thế nào, đã đến chỗ Hồ Chủ tịch chưa?

Một anh bộ đội nghe, liền bước ra. Nghe ông trình bày ý kiến, anh vội vào báo cáo. Lúc sau, anh vội vã trở ra và dẫn ông cháu già Thuyết vào. Bác Hồ lúc này đang đứng đợi ở trước phòng khách, vội chạy tới nắm chặt bàn tay ông già Thuyết, thân mật nói:

- Thuyết đấy à? Lâu lắm chúng ta mới lại được gặp nhau.

Ông già Thuyết xúc động, lấp bắp:

SỨC MẠNH TỪ TÂM LÒNG KINH YÊU BÁC

- Hồ... Chủ... tịch...

Nhưng Bác Hồ đã bảo:

- Đừng xưng hô như thế.

Cứ gọi tôi là Ba như trước.

Bác xoa đầu cháu bé và ân cần đưa ông già Thuyết về phòng riêng của mình, trò chuyện suốt nửa giờ với người bạn thủy thủ đã từng giấu mình dưới tàu lúc Bác còn ba hoạt động và từng cùng mình sống ở một hiệu ảnh bên Pháp năm năm... Nhắc lại chuyện cũ, hai người cười giòn giã.

Lúc chia tay, ông già Thuyết nắm lấy tay Bác Hồ, vuốt vuốt, giọng nói run run:

- Tôi già rồi, ốm đau luôn, lại bị mù cả hai mắt. Đồng chí thì bận chăm lo việc nước. Có lẽ chúng ta ít có dịp gặp lại nhau... Tôi mừng cho vận mệnh nước nhà từ nay có người tài ba diu dặt. Mừng cho đồng chí làm cách mạng đã thành công. Đồng chí nên giữ gìn sức khỏe.

Bác Hồ lưu luyến tiễn người bạn già ra cổng, rồi ân cần dặn:

- Tôi bây giờ là Chủ tịch nước, nhưng chẳng qua cũng chỉ là tôi tớ của nhân dân mà thôi. Đối với anh, trước sau tôi vẫn là bạn thân.

Sau kháng chiến, ông già Thuyết lại từ Hải Phòng lên Hà Nội thăm Hồ Chủ tịch. Bác giúp ông đến điều trị tại bệnh viện và lúc ông mất, Bác lại giúp lo việc mai táng chu đáo.



Bác Hồ năm 1946.

(Theo Đ.C.)

20. DƯỚI NGON CỜ ĐẠI NGHĨA CỦA BẮC HỒ

Ông Phan Kế Toại, thời Pháp thuộc là Khâm sai đại thần, làm việc tại Bắc Bộ phủ. Người con trai của ông là Phan Kế An, sinh viên trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (Hà Nội), tham gia phong trào sinh viên cứu nước, thường bí mật tìm mua vũ khí cho cách mạng, cất giấu tại nhà ở làng Mông Phụ, xã Đường Lâm (sau này thuộc thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây cũ).

Bọn phát xít Nhật rất quan tâm đến tình hình trên. Quan Khâm sai, sau khi xem xong công văn “khuyến cáo” của chúng, cười rồi đưa cho Phan Kế An xem để đề phòng. Bọn Nhật đâu có ngờ chính quan Khâm sai đã lặng lẽ mua ủng hộ Việt Minh 500 đồng tín phiếu.

Theo gợi ý của ông Dương Đức Hiền, một lãnh đạo phong trào sinh viên cứu quốc, ông Vũ Đình Hoè tìm gặp ông Nguyễn Văn Huyền, em vợ ông Toại, nhờ ông Huyền “tháp tùng” để vào Bắc Bộ phủ “thăm” ông. Ông Hoè nói:

- Anh em trí thức rất hoan nghênh ông “cáo ồm”, không chịu đi hiểu dụ nhân dân “bán” thóc cho Nhật. Nhưng anh em muốn ông làm mạnh hơn!

Ông Toại liền vặn lại ông Hoè:

- Thế ông là Việt Minh à?

Ông Hoè bèn lảng sang chuyện khác. Ông Toại cười, nói nhỏ:

- Thôi, ông đừng giấu tôi nữa! Con cháu tôi cũng vào Việt Minh rồi mà!

Việt Minh chủ trương giúp ông Toại, không để ông bị bọn nhật lợi dụng đàn áp cách mạng, và để khi thời cơ tới thì việc tiếp quản chính quyền tránh được đổ máu. Nhưng sau bị

Nhật o ép quá, ông Toại đành từ chức, trao quyền lại cho ông Nguyễn Văn Chữ (17-8-1945), chỉ hai ngày trước khi nổ ra cuộc biểu tình bao vây Bắc Bộ phủ.

Đầu năm 1947, ông Phan Kế Toại nhận được thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh mời lên Việt Bắc tham gia Chính phủ kháng chiến. Cùng lên Định Hoá vào ngày đầu nổ súng chống Pháp còn có các ông Bùi Bằng Đoàn, Vi Văn Định, linh mục Phan Bá Trục...



Phó thủ tướng Chính phủ kháng chiến Phan Kế Toại cùng con trai là họa sĩ Phan Kế An ở Tân Trào, Tuyên Quang.

*

* *

... Mùa hè năm 1946.

Mặc dù phải lo toan biết bao công việc, trước khi lên đường sang Pháp dự Hội nghị Fontainebleau, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn không quên giao nhiệm vụ cho ông Hoàng Hữu Nam, thứ trưởng Bộ Nội vụ, phải đón cho kỳ được cụ Vi Văn Định - nguyên Tổng đốc Thái Bình, về sống ở Hà Nội, kẻo "hữu sự thì không kịp".

Phát xít Đức chiếm Paris, quân Nhật tiến vào Đông Dương. Năm 1942, cụ Vi xin nghỉ hưu, về ở ẩn tại bản quê dưới chân núi Mẫu Sơn. Cụ Vi có ba chàng rể sống ở Hà Nội, đều được cách mạng tin cậy giao trọng trách: Nguyễn Văn Huyền - bộ trưởng Bộ Giáo dục; Hồ Đắc Di - hiệu trưởng Trường Đại học Y kiêm Giám đốc Bệnh viện Đồn Thủy (nay là Bệnh viện Trung ương quân đội); Tôn Thất Tùng - Giám đốc Bệnh viện Phủ Doãn (nay là Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức).



Cụ Vi Văn Định với con cháu và các con rể (GS Hồ Đắc Di - hàng đầu, bên phải và GS Nguyễn Văn Huyền - hàng sau, bên trái) ở vùng Ngòi Quảng, Chiêm Hoá, Tuyên Quang.

Bác Hồ nói: “Con cháu cụ Vi đều đi với cách mạng cả. Hãy mời cụ về Hà Nội” và dặn phải cho những cán bộ cách mạng trước đây từng bị cụ Vi bắt giam (khi cụ còn là tổng đốc) cầm giấy mời của Chính phủ trân trọng trao tận tay cụ, để cụ thấy ta không giữ hận thù mà thật lòng đoàn kết. Ông Ba Ngọ, một cựu chính trị phạm, được giao việc đó, cùng đoàn cán bộ Chính phủ đến Bản Chu, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

... Và nhà nước ta đã giữ trọn lời hứa, chăm sóc cụ Vi cho đến lúc cụ qua đời tại Hà Nội ngày 20-12-1975, hưởng thọ 95 tuổi.

(Theo Hàm Châu)

21. PHẠM QUANG LỄ - TRẦN ĐẠI NGHĨA

Quê ở Tân Bình, Vĩnh Long, Phạm Quang Lễ sinh năm 1913. Năm lên 7 tuổi, cha qua đời, gia đình gặp khó khăn, nhưng người mẹ và chị vẫn dốc lòng nuôi Lễ ăn học. Sau khi tốt nghiệp tiểu học ở quê nhà, Lễ học trường trung học ở Mỹ Tho rồi lên Sài Gòn vào trường Pétrus Ký (sau này là trường chuyên Lê Hồng Phong).



Năm 20 tuổi, Phạm Quang Lễ đậu thủ khoa hai kỳ thi tú tài Việt và Pháp, nhưng lại từ chối ra Hà Nội học, dù được cấp học bổng. Nguyên nhân? - Chính vì Lễ đã từng chứng kiến nhiều cảnh thực dân Pháp đàn áp nhân dân, hiểu được sự thất bại của các phong trào yêu nước, một phần là do trang bị vũ khí thô sơ, khó lòng chống trả các loại vũ khí tối tân của địch, phần chủ yếu là thiếu đường lối cách mạng đúng đắn. Cái mà Phạm Quang Lễ thấy sức mình có thể thực hiện được, đó là nguyện vọng theo học về chế tạo vũ khí để sau này giúp nước.

Năm 1935, lúc 22 tuổi, Phạm Quang Lễ lên đường sang Pháp. Dù mục đích chính là học về kỹ thuật dân dụng, Lễ vẫn tự dặn mình phải tìm mọi cách học cho kỳ được kỹ thuật chế tạo vũ khí. Công việc này chẳng phải là giản đơn, bởi không có nước nào trên thế giới lại ngớ ngẩn công bố các tài liệu kỹ thuật quân sự. Thực dân Pháp đâu phải là điên đến mức độ để cho người Việt Nam, kể cả có quốc tịch Pháp, được đến học ở các trường dạy về vũ khí hay vào làm ở các viện nghiên cứu, các nhà máy sản xuất vũ khí. Vì thế,

theo Lễ kể lại sau này là: “Trong 11 năm dằng dẳng ấy, tôi chỉ có thể mò mẫm tự học một cách âm thầm, đơn độc và bí mật hoàn toàn”.

Tháng 9-1946, trong dịp Hội nghị Fontainebleau ở Paris (Pháp), kỹ sư Phạm Quang Lễ may mắn được gặp Bác Hồ. Nghe theo lời động viên của Bác trước tình thế nước nhà trong cơn dầu sôi lửa bỏng, kỹ sư Lễ tự nguyện từ bỏ cuộc sống sung túc với chức vụ cao sang và lương bổng rất hậu (22 lượng vàng/tháng), Phạm Quang Lễ xuống tàu Duy-mông Duýc-vin-le (Dumont d'Urville) theo Bác Hồ về nước tham gia kháng chiến.

Lễ không mang về một thứ của cải gì đáng giá ngoài những cuốn sách.

Tàu cập bến Hải Phòng ngày 20-10-1946. Khi về Hà Nội, Lễ gặp ông Võ Nguyên Giáp. Siết chặt tay anh lễ anh Giáp nói:

- Ở nhà chờ anh. Rất mừng khi được tin anh về với Bác

Ngay sau đó, kỹ sư Lễ lên Thái Nguyên cùng với ông Tạ Quang Bửu thử đạn ba-dô-ca (bazooka) Mỹ, nghiên cứu tìm cách tự chế tạo. Ta không có thuốc pháo nhồi trong quả đạn Mỹ (ngay cả Pháp cũng không sản loại thuốc pháo đó), kỹ sư Lễ đề nghị thay bằng thuốc con bài và thiết kế lại vỏ đạn cho phù hợp với loại thuốc nổ này. Đem bắn thử, tiếng nổ xé tai, nhưng đạn... không xuyên! Hoá



ra, cái bộ phận hình nón đáng lẽ chỉ dày 1-1,5m/m, nhưng



công nhân lại tiện dày 4m/m, do trong bản vẽ không ghi rõ kích thước!

Ngày 5-12-1946, từ Thái Nguyên trở lại Hà Nội, kỹ sư Lễ được Bác Hồ mời vào Bắc Bộ phủ. Bác ân cần nói:

- Công việc Bác giao là “vì đại nghĩa” nên Bác đặt tên mới cho chú là Trần Đại Nghĩa. Cái bí danh đó còn để bảo vệ cho chú và bà con chú trong Nam.

Từ hôm ấy, kỹ sư Trần Đại Nghĩa giữ chức Cục trưởng Cục Quân giới - Bộ Quốc phòng. Nửa tháng sau, kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Trong các xưởng quân giới, công nhân làm việc miệt mài. Đường ray xe lửa, như có phép thần thông, biến dần thành tất cả các bộ phận của khẩu ba-dô-ca. Ngay cả nòng súng cối 50,8m/m cũng làm bằng đường ray. Hôm nọ, kỹ sư Nghĩa đến thăm một xưởng rèn ở phía bắc khu III. Chẳng có một cỗ máy nào, chỉ có những bàn tay chắc, khỏe, khéo léo và những chiếc đe rất dài. Từ bộ phận này sang bộ phận kia, toàn làm bằng tay, thế nhưng thành phẩm chẳng kém

gì làm bằng máy. Anh em rèn nhanh gần như theo kịp tốc độ toả nhiệt của thanh thép đỏ, rèn giỏi đến mức dung sai không quá... 0,5mm!

Kỹ sư Trần Đại Nghĩa còn mơ ước và đã chế tạo thành công loại súng không giật (viết tắt là SKZ) thật nhẹ, có thể vận chuyển dễ dàng trên đôi vai anh vệ quốc, có sức công phá ngang một cỡ đại bác 6 tấn thép. Năm 1950, khắp các chiến trường Khu V, Nam bộ đều nhận được loại SKZ chỉ nặng 20kg, bắn đạn lõm 8kg, đường kính 160mm, chuôi đạn tiện bằng gỗ - một sáng tạo độc đáo Việt Nam. Có vũ khí hoả lực mạnh để công đồn, bộ đội ta đánh vun hàng loạt cứ điểm, đồn bót kiên cố được địch.

Bom bay là một loại vũ khí có nhiều trở ngại, khó khăn về thuốc pháo và ống thép, nhưng cuối cùng qua bàn tay và khối óc của kỹ sư Nghĩa, ta vẫn phóng thử thành công bom bay, một loại tên lửa nặng 30kg, có thể đánh các mục tiêu cách 4km.

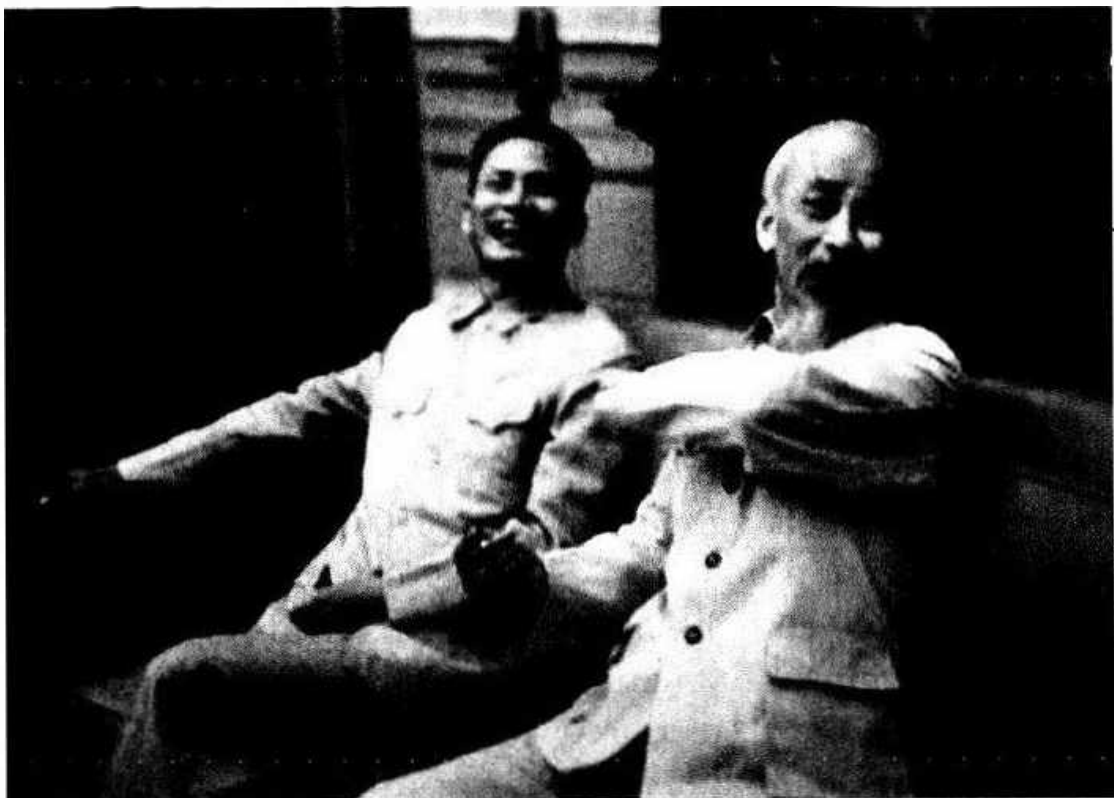
Năm 1997, Giáo sư - Viện sĩ Trần Đại Nghĩa qua đời tại Thành phố Hồ Chí Minh khi ông 84 tuổi.

(Theo Hoàng Dương)

22. “CHÚ ĂN CƠM TRONG GIỜ LÀM VIỆC À?”

Một buổi sáng, đồng chí Phạm Văn Đồng đang chủ trì một cuộc họp. Hội nghị đã sang trưa, người thư ký riêng lễ phép đặt trước mặt Thủ tướng trang giấy ghi ngắn gọn mấy chữ: “Mời Thủ tướng về ăn cơm. Có việc cần, Bác đang đợi”.

Nhiều năm nay, Thủ tướng Phạm Văn Đồng thường sang ăn cơm cùng với Bác. Ngoài lý do để bữa ăn của Bác thêm đầm ấm, đôi khi có công việc gì khẩn cấp cần xin ý kiến Bác, thì cũng có thể vừa ăn vừa báo cáo; vừa trao đổi ý kiến thêm.



Bác Hồ với Thủ tướng Phạm Văn Đồng tại Phủ Chủ tịch - Hà Nội năm 1965.

Thủ tướng xếp tài liệu và nói với mọi người: “Bây giờ cũng trễ rồi, tạm nghỉ ăn cơm, chiều làm việc tiếp”. Ra khỏi cửa, thoáng nhìn thấy chiếc xe đạp của đồng chí bảo vệ dựng gần đó, Thủ tướng hỏi mượn để đi cho nhanh.

Từ Phủ Thủ tướng sang Phủ Chủ tịch chỉ một quãng đường, lại được bảo vệ rất cẩn mật, nhưng không thể để một phút sao lãng trách nhiệm, đồng chí bảo vệ không kịp mượn xe khác, đành chạy bộ theo sau.

Bác Hồ tay cầm tờ báo đang đứng đợi dưới bóng cây, vừa thấy bóng đồng chí Thủ tướng đến, Bác đã hỏi:

- Sao chú không đèo chú ấy? Để chú ấy leo đèo chạy mồ hôi mồ kê thế kia...

Đồng chí Phạm Văn Đồng xuống xe, ngoái lại mới biết. Đồng chí bảo vệ vội vàng lễ phép đỡ lời Thủ tướng:

- Thưa Bác, cháu cũng có xe đấy ạ... cháu để ở ngoài kia.

Nhìn mồ hôi mồ kê chảy ròng ròng trên mặt đồng chí bảo vệ, Bác chỉ mỉm cười rồi lấy chiếc khăn mặt đang vắt trên vai đưa cho anh. Bác ân cần bảo:

- Chú lau ráo mồ hôi đi rồi vào ăn cơm với Bác.

Thật quá bất ngờ. Sự quan tâm của Bác Hồ làm cho đồng chí bảo vệ thấy hạnh phúc, nhưng anh xúc động thưa:

- Dạ, thưa Bác, cháu ăn cơm rồi ạ. Để mời Bác và Thủ tướng xơi cơm ạ.

Lại một lần nữa, cái láu lỉnh của người bảo vệ không thành công. Bác mỉm cười nói:

- Chú ăn cơm trong giờ làm việc à?

Không còn chối được nữa, người chiến sĩ cận vệ vừa xúc động, vừa sung sướng, đứng ngây ra trước những tiếng cười sáng khoái, nhân hậu của Bác Hồ và Thủ tướng.

Anh bảo vệ cũng không ngờ trước đây vài phút cũng đã có một câu chuyện tương tự xảy ra tại đây. Chuyện kể rằng, đã sang trưa, đồng chí thư ký riêng lên mời Bác xuống xơi cơm, thấy Bác đang làm việc hết sức tập trung... không dám cắt ngang dòng suy nghĩ của Bác, đồng chí thư ký dừng lại ở cầu thang chờ Bác. Bỗng quay ra, Bác hỏi:

SỨC MẠNH TỬ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

- Kìa! Đến giờ ăn cơm rồi mà sao chú không gọi Bác?

- Dạ, thưa Bác, mời Bác đi xơi cơm ạ. Quá giờ rồi ạ...

Bước vào phòng ăn, Bác Hồ hỏi ngay:

- Chú Tô chưa đến à? (Chú Tô là đồng chí Phạm Văn Đồng).

- Thưa Bác, cháu đã mời.

Bác mời mọi người ngồi vào bàn, Bác mở lồng bàn đang úp mâm cơm. Thấy món cá rán ngoài các món bát tương, đĩa cà là các món thường lệ quy định các bữa ăn, Bác cầm đũa nếm thử rồi khen:

- Cá chi mà ngon thế?

Đồng chí thư ký sung sướng thưa:

- Thưa Bác, dạo này Bác không được khoẻ, chúng cháu bàn nhau cải thiện món ăn để Bác ăn được ngon miệng. Chúng cháu nhớ hồi ở Việt Bắc, Bác rất thích ăn cá dầm thanh, thế là chúng cháu điện lên cho các đồng chí ở trên ấy... gửi về ạ!

Đồng chí thư ký đang đà phân khởi, nhưng Bác bỗng nghiêm sắc mặt, nói:

- Bác có phải là vua đâu. Thế là phiền nhiều đấy. Bác luôn nhắc các chú không được hạch sách, phiền hà nhân dân. Các chú làm thế là không đúng đâu. Bác muốn ăn cá thì đã có cá Bác nuôi.

Đồng chí thư ký chỉ còn biết thành khẩn nhận lỗi:

- Thưa Bác!... Chúng cháu có lỗi ạ!

- Chuyện đã trót rồi. Lần sau các chú không được làm thế nữa!

(Theo Phó Đức An)

23. KHÔNG CÓ DÂN, CHỦ TỊCH NƯỚC CŨNG ĐÀNH CHỊU

Sau đêm 19-12-1946, khởi đầu của kháng chiến toàn quốc, từ Vạn Phúc Bác Hồ chuyển đến Xuyên Dương, huyện Thanh Oai, Hà Đông - một làng quê yên ả ven bờ sông Đáy, chỉ cách Hà Nội chừng hai chục cây số đường chim bay.

Nơi Bác ở là một gia đình khá giả, nhà rộng năm gian, có đủ hoành phi câu đối, nhưng Bác lại được bố trí ở trong một buồng kho hẹp, chất đầy những bịch thóc, bịch khoai, chỉ vừa kê đủ một chiếc giường con lót ổ rơm, một cái bàn gỗ để Bác làm việc. Tuyệt nhiên dân làng không ai biết Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường di chuyển lên Việt Bắc đang dừng chân ở đây.

Sáng ngày 1-1-1946, Bác Hồ khai bút đầu xuân gửi lời chúc mừng đến đồng bào và chiến sĩ cả nước:

“Một năm đoàn kết, một năm mới kiên quyết kháng chiến, một năm mới thắng lợi”.

Ngày 10-1-1946, Bác viết “Lời kêu gọi nhân dịp Tết Nguyên đán Đinh Hợi” gửi đồng bào và chiến sĩ cả nước:



“Về mặt tinh thần thì cha bảo con, vợ bảo chồng, anh bảo em phải nhớ đến giang sơn gấm vóc của Tổ quốc, phải nhớ đến lịch sử vẻ vang của tổ tiên, phải nghĩ đến vận mệnh tương lai của con cháu, thà chết thì chết, quyết không chịu làm nô lệ cho thực dân Pháp. Bất kỳ già, trẻ, gái, trai, sĩ, nông, công, thương, ai cũng tham gia công việc cứu quốc”.

Tối 30 Tết, tức 21-1-1947, Hội đồng Chính phủ họp tại phủ Quốc Oai. Đây là phiên họp tất niên, nên các thành viên đều có mặt đầy đủ. Ngoài ra, Bác cho mời cả cụ Bùi Bằng Đoàn, trưởng ban và linh mục Phạm Bá Trực, ủy viên Ban thường trực Quốc hội cùng dự. Mặc dù trời mưa rét, đường trơn lại đúng giữa đêm giao thừa, các cụ cũng đến dự họp. Thật là cảm động! Dù biết sức cảm hóa của Bác Hồ lớn biết chừng nào. Chắc chắn nếu không phải là Bác - một con người vừa sáng ngời về đạo đức, hết lòng vì nước vì dân, chí công vô tư, lại uyên thâm về học vấn, thì khó mà có sự kiện, một vị thượng thư của triều đình cũ, một đức giám mục của giáo hội lại vượt đêm tối, mưa rét... đến một vùng heo lánh để cùng nhau bàn bạc việc nước, kháng chiến cứu nước như đêm nay.

Đã 20 giờ rồi mà chưa thấy Bác đến. Ai nấy đều nóng ruột và có phần lo lắng. Vì để đảm bảo bí mật, không có đường dây đến chỗ ở của Bác, nên không làm sao biết được tình hình. Cả Hội đồng Chính phủ hồi hộp chờ đợi.

Để bớt căng thẳng, mọi người đồng ý tổ chức cuộc liên hoan nhỏ bằng mứt kẹo, thuốc lá, còn bánh chưng thì để chờ Bác đến. Thế là chút hương vị của đêm giao thừa đã phần nào giúp mọi người bớt lo lắng. Và thế là trong gian tiền sảnh của phủ Quốc Oai đã diễn ra một cảnh tượng rất xúc động. Có một đêm nay ở đây là những người tiêu biểu cho khối đại đoàn kết của dân tộc. Có người là cộng sản, có người là quan thượng thư, có người là đức giám mục, có người là trí thức, có người là Việt Minh, có người tóc đã điểm bạc, có người mái đầu còn xanh tuổi ba mươi... Tất cả cùng chung một ý chí “Tổ quốc trên hết, kháng chiến trước hết” đã tụ họp về đây theo lời kêu gọi khẩn thiết của Bác Hồ:

“Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Tuy dưới ánh đèn không được sáng lắm, các khuôn mặt hôm ấy đều thể hiện mãnh liệt về truyền thống quật cường của dân tộc. Phải chăng đây là một hình ảnh thu nhỏ của Hội nghị Diên Hồng đời Trần năm xưa, hình ảnh của một hội thề Lũng Nhai thời Lê Lợi chiêu mộ nhân tài khắp nước để chuẩn bị phát động toàn dân đứng lên kháng chiến đánh đuổi giặc ngoại xâm.

Đến 21 giờ, Bác Hồ đột ngột bước vào phòng họp, đầu đội mũ cát, cổ quấn khăn che kín bộ râu, hai ống quần xắn cao, chân lấm bùn lên tận đầu gối. Mọi người đứng dậy, vừa vui mừng đón Bác, vừa thương Bác vô cùng. Ai cũng tíu tít hỏi thăm, Bác nhanh nhẹn đến bắt tay tất cả mọi người. Đặc biệt, Bác xiết chặt tay rất lâu cụ Bùi Bằng Đoàn và cha Phạm Bá Trục và vui mừng nói:

- Tôi chỉ lo hai cụ không đến được. Hôm nay có mặt thế này là thắng lợi! Đại thắng lợi!

Bác châm một điếu thuốc, nhấp một ngụm chè nóng, rồi mở đầu cuộc họp bằng câu chuyện xe bị sa lầy dọc đường. Ba lần xe sa bánh xuống ruộng, phải vào xóm vận động nhân dân ra khiêng lên, rồi đẩy giúp cho xe nổ máy.

- Chỉ một việc đi xe thôi, không có nhân dân thì Chủ tịch nước cũng đành phải chịu. Huống hồ việc kháng chiến kiến quốc, một công việc to lớn vĩ đại, nhất định phải dựa vào khối đại đoàn kết toàn dân mới thành công.

Sau hơn một tiếng đồng hồ bàn việc nước với các vị trong Hội đồng Chính phủ, Bác ra đi đến Đài Tiếng nói Việt Nam ở chùa Trầm để ghi âm lời chúc Tết của Bác, trong lúc ngoài trời còn đang mưa phùn gió rét.

Tất cả Hội đồng Chính phủ tiễn Bác ra cửa, ai cũng cảm thấy lòng bồi ngùi thương cảm. Sau 30 năm bôn ba khắp năm châu bốn biển để tìm đường cứu nước, cứu dân, nước nhà vừa mới được độc lập phải đương đầu với một kẻ thù hung bạo chỉ rắp tâm cướp nước ta một lần nữa, cả cuộc đời

SỨC MẠNH TỬ TÂM LÒNG KÍNH YÊU BÁC



vì dân, vì nước, đến nay gần sáu mươi tuổi, thực sự Bác chưa một phút nghỉ ngơi...

Bác là một vĩ nhân, nhưng lại là một vĩ nhân cả trong đời thường. Một Chủ tịch nước xắn quần lội bùn ra đi trong mưa rét đêm khuya, để đưa lời chúc mừng năm mới cho mọi nhà, không làm giảm đi cái vĩ đại của Bác, mà còn nhân lên gấp vạn lần.

(Theo Võ Nguyên Giáp)

24. NGƯỜI ĐỘI VIÊN TỰ VỆ ĐỎ TÂN TRÀO

Dưới bóng mát của cây đa Tân Trào lịch sử, cụ Hoàng Trung Nguyên, nay đã 80 tuổi, xúc động nói:

- Tôi may mắn được ở gần và trực tiếp phục vụ Bác Hồ một thời gian khi Bác về Tân Trào, nên đã được Bác dạy bảo. Với tôi, đó là quãng đời hạnh phúc và đáng nhớ nhất.

Qua câu chuyện ông Nguyên kể lại thì khi Bác về Tân Trào là khoảng đầu tháng 5-1945, ông Nguyên là đội viên Đội tự vệ đỏ kiêm bí thư Đoàn thanh niên xã Tân Trào. Hôm đó, nước sông Phó Đáy lớn. Đến Tân Trào, Bác rẽ vào đình Hồng



Thái ngồi nghỉ ở góc đằng Tây. Bác ở tại nhà ông Nguyễn Tiến Sự, chủ nhiệm Ban Việt Minh xã. Thời gian này, lộ đội đến đông, thanh niên thường tập trung tại nhà ông Sự để xay giã gạo nuôi quân.

Buổi tối, nhân lúc thanh niên nghỉ ngơi, Bác mời anh em lên nhà uống nước và hỏi chuyện xay giã gạo để làm gì, thì anh em nói để cho bộ đội ăn, đánh Tây, đuổi Nhật. Bác gật đầu và nói:

- Đúng, xay giã gạo nuôi bộ đội tức là các cô các chú đi tham gia đánh Tây, đuổi Nhật.

SỨC MẠNH TỬ TÂM LÒNG KINH YÊU BÁC

Mọi người cảm thấy rất phấn chấn trước những lời động viên của Bác.

Ở đây được hai hôm, Bác cùng một số anh em mang dao, rìu, cuốc xẻng đi tìm nơi làm lán. Các đồng chí Tiến Sự, Nguyên, Hoàng Văn Các (chú của Nguyên), Trương Thanh Nghiệp, Vi Ôn Đức... đưa Bác vào Vung Tẩu. Đến đây Bác bảo xa dân quá. Tất cả lại đến Đồng Man rồi Nà Chằm là dãy núi Hồng, chân là núi Nà Lừa. Bác liền lên xem núi Nà Lừa. Đến mấy phiến đá và một cây thành ngạnh mọc bên cạnh, Bác bảo làm lán ở đây.

Chọn xong địa điểm làm lán, Bác hỏi: “Ở đây có rau không?”. Ông Các nói ở đây chỉ có măng, còn rau hiếm lắm. Bác lại hỏi: “Chung quanh có chè xanh không?”. Ông Các bảo chè xanh thì có nhiều. Nghe xong, Bác gật đầu rồi bảo:

- Thế thì không lo. Ta dùng măng chấm muối vừng (mè), dùng chè xanh đun kỹ lấy nước chan cơm là ngon rồi.

Năm ngày sau, Bác chuyển lên lán Nà Lừa. Ông Nguyên làm liên lạc và tiếp tế cho Bác. Thường thì đem gạo và măng lên cho Bác, thỉnh thoảng có cả lươn và cá suối.



... Khoảng năm 1947 - 1948, trong cuộc họp của Ủy ban xã, ông Nguyên được phân công dẫn đường cho Bác đi họp. Bác cho ông hai điếu thuốc lá. Biết ông không hút thuốc, nhưng Bác bảo đem về cho bố. Tháng chạp năm ấy, ông Nguyên bị ốm nặng, Bác nghe tin liền bảo anh em mang thuốc cho và hai ngày sau thì đỡ hẳn.

Tháng 2-1961, Bác về thăm Tân Trào. Lúc này, ông Nguyên là Bí thư chi bộ xã đã học lớp bồi dưỡng cán bộ tại thị trấn Sơn Dương. Lần này Bác về bằng máy bay lên



thẳng. Biết tính Bác, các anh em vác ba tấm phản xuống bờ suối chỗ cây với Bác thường nghỉ trước kia. Máy bay hạ xuống đám ruộng trước đình Tân Trào. Bác Hồ bước ra vẫy chào mọi người và bắt tay ông Nguyễn. Bác hỏi:

- Bố mẹ cháu vẫn khỏe chứ?.. Cu Ngọc thế nào?

Ông Nguyễn không ngờ sau từng ấy năm Bác vẫn còn nhớ cả tên con của ông. Ông Nguyễn vội hấp tấp trả lời:

- Dạ! Cháu nó đi tiểu phỉ ở Hoàng Su Phì.

(Theo Huy Thắng)

25. BỨC TÂM THƯ CỦA HAI KẺ GIANG HỒ

Giữa hai giang hồ số 1 - Bình Xuyên là Bảy Viễn và Mười Trí: cả hai, kẻ trước người sau, đều có một nét chung đặc biệt là viết thư gửi Bác Hồ. Đây là cặp bài trùng từng “ăn hàng” táo bạo bằng xe hơi, súng lục giữa Sài Gòn - Chợ Lớn. Cả hai đều là tù chung thân ra Côn Đảo nhiều lần và ít là ba lần vượt đảo về đất liền tiếp tục cuộc đời “lục lâm thảo khấu” kiểu mới. Nhờ Cách mạng Tháng Tám 1945 mà hai tay “chọc trời khuấy nước” này già từ kiếp giang hồ, đi theo tiếng kêu “sơn hà nguy biến”.

Thật là một cuộc đời khi Bảy Viễn và Mười Trí vét hết vàng bạc châu báu cướp của thiên hạ ra mua súng, chiêu mộ nghĩa binh lập bộ đội Bà Queo (Mười Trí), Phú Thọ - Trường Đua (Bảy Viễn). Cả hai đều có nhiều chiến công đánh Pháp, từng leo lên tới tư lệnh chi đội 4 (Mười Trí), chi đội 9 (Bảy Viễn).

Năm 1947, Huỳnh Văn Trí được phong chức Ủy viên Quân sự trong Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, Lê Văn Viễn nhảy cao hơn với chức Khu bộ phó Chiến khu 7 - sau tướng Nguyễn Bình và trên Tư lệnh chi đội 16 Huỳnh Văn Nghệ.

Cuối tháng 8-1946, Tư lệnh Chiến khu 9 Vũ Đức được lệnh ra Trung ương, trong đoàn có người phụ trách bảo vệ là Hai Các. Khởi hành từ kinh Biện Nhị, đoàn đi qua các tỉnh Bạc Liêu, Rạch Giá, Sóc Trăng, Cần Thơ, Vĩnh Long, Bến Tre, Mỹ Tho, Tân An, Chợ Lớn, vượt hàng trăm đồn bót, tháp canh, lô cốt của địch. Đoàn dừng chân tại rừng Sác, Vũ Đức được Phó tư lệnh Khu 7 - Bảy Viễn tiếp đón nồng hậu. Hai Các được đi theo bảo vệ Vũ Đức, nên cũng được tiếp đãi đầy đủ.



Đêm hôm đó, Bảy Viễn và Vũ Đức nói chuyện đến khuya. Vũ Đức đi ngủ sớm để ngày mai còn lên đường đi ra Bắc. Hai Các thấy Bảy Viễn chưa ngủ mà còn viết cái gì không rõ.

Sáng hôm sau, sau bữa điểm tâm, Bảy Viễn tiễn khách lên đường. Khi bắt tay từ giã, Bảy Viễn rút phong thư trong túi áo ra trao cho Vũ Đức, nói:

- Nhờ “cụ” chuyển tận tay Cụ Hồ.

Vũ Đức nhận phong thư, đáp:

- Tôi sẽ trao tận tay Ông Cụ và nói lại những điều anh đã nói với tôi.

Bảy Viễn vui vẻ lắm, trao quà tặng cho khách quý:

- Đây là cây colt 12 ly mới toanh, tặng “cụ” hộ thân. Còn đây là khẩu Thompson với ba băng (đạn) tặng anh Hai Các để làm nhiệm vụ bảo vệ “yếu nhân”.

Bảy Viễn đưa đoàn khách tới mé rạch, ngày 17-3-1947, một cánh quân biệt kích của địch do gián điệp dẫn đường, đã tấn công ngôi nhà mà Vũ Đức tạm dừng chân, nên tài liệu phần bị mất, phần bị đốt cháy theo nhà, còn Vũ Đức thì một chân trúng đạn gãy chỗ đùi, ngực bị một băng đạn tiểu liên. Tám vỏ đạn Vicker của ông rớt nằm ngổn ngang trước mặt. Vậy là ông Vũ Đức đã chiến đấu đến viên đạn cuối cùng.

Thế là địch đã chiếm cuốn sổ tay trong túi áo trong của Vũ Đức. Biết bao nhiêu điều quan trọng và bí mật trong ấy,

SỨC MẠNH TỬ TÂM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

trong đó có bức thư Bảy Viễn gửi cho Bác Hồ. Tiếc thay cho Bảy Viễn, vì Bác Hồ chưa kịp đọc bức tâm thư của ông.

Nhiều năm sau cái ngày định mệnh ấy, Hai Cát cứ suy nghĩ rồi thắc mắc: Không biết vị tư lệnh Bình Xuyên tâm tình gì với Bác Hồ - vị tư lệnh tối cao của dân tộc? Ngoài ra còn nhiều điều thâm kín gì mà Bảy Viễn thổ lộ với Vũ Đức và Vũ Đức hứa sẽ nói với Bác Hồ? Cái điều đó là điều gì? Nó vĩnh viễn là điều bí mật lịch sử mà chỉ có hai người biết thôi, tiếc thay hai người ấy trước sau đã đi vào cõi vĩnh hằng!

Cuối tháng 5-1948, Bảy Viễn kéo hai đại đội cứng (có đại bác 40 ly) từ rừng Sác về Nhơn Hoà Lập nhận chức Khu bộ trưởng Chiến khu 7. Khi nghe Chủ tịch Ủy ban kháng chiến Nam Bộ tuyên bố giải thể Bình Xuyên để phá tan âm mưu lập chiến khu quốc gia rừng Sác ủng hộ chính phủ Bảo Đại, Bảy Viễn biết mình đã lầm kế “điều hổ ly sơn” của Việt Minh, cương quyết không nhận chức Khu trưởng Khu 7, kéo quân về rừng Sác. Kế đó, nghe trình sát phi báo rừng Sác đã bị tảo thanh, Bảy Viễn đành chạy về thành dầu Tây.

Mười Trí đón Bảy Viễn tại căn cứ Chi đội 4, hết lời khuyên bảo, nhưng Bảy Viễn đã tới nước cùng rồi: “Bình



Xuyên bị giải thể, rừng Sác bị tảo thanh, còn danh nghĩa, giang san nào mà ở lại?”.

Mười Trí khéo léo hạn chế tổn thất cho cách mạng, rút đại đội và cây đại bác 40 ly rồi đích thân đưa Bảy Viễn tới quán cơm làng Hưng Long, cửa ngõ của Sài Gòn - Chợ Lớn. Từ đó, đôi bạn giang hồ đã thể “đồng tử đồng sanh” nay đoạn tuyệt tại đây.

Sau sự kiện này, Mười Trí được chuyển công tác “Hoà Hảo vận” với vai trò sư thúc Hoà Hảo. Năm 1949, nhân có phái đoàn Quân Dân Chính Nam bộ ra Bắc do Khu trưởng Khu 8 Trần Văn Trà dẫn đầu, ghé chỉ đội 4 của Mười Trí ở Bình Hoà (Đức Huệ), Mười Trí nhờ phái đoàn gửi bức tâm thư cho Bác Hồ. Nội dung bức thư như sau:

“Bức tâm thư kính gửi Anh Hồ Chí Minh

Thằng em của Anh là Mười Trí gửi thư này chúc Anh khoẻ mạnh. Thằng Bảy Viễn đã đầu Tây rồi, thằng em của Anh rất lấy làm buồn, vì không ngăn cản được nó. Nhưng thằng em của Anh xin hứa chắc với Anh là thằng em của Anh cương quyết theo kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng. Dân giang hồ một khi đã theo cách mạng là nhất định sẽ đi tới cùng, không bao giờ sinh nhị tâm.

Nay thơ: Mười Trí

Tư lệnh Chi đội 4 - Bình Xuyên”

Đúng là khẩu ngữ của giới giang hồ Nam Bộ. Lời lẽ thô mộc nhưng tâm hồn chân thật, nghĩ sao nói vậy.

Ngoài chất giang hồ, hai kẻ giang hồ khét tiếng (số 1) ở Nam Bộ giống nhau ở điểm: tin tưởng tuyệt đối nơi Bác Hồ, dám tỏ lời tâm sự chân thành của mình với Bác. Bức thư của Mười Trí tốt số hơn bức thư của Bảy Viễn. Nó đã được chuyển tới tay Bác Hồ.

(Theo Nguyễn Hùng)

26. “VÙNG TRỜI ĐÔNG...”

Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ II (từ ngày 11 đến 19-2-1951 tại Tuyên Quang) quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Trước sự kiện lịch sử này, bài hát *“Chào mừng Đảng Lao động Việt Nam”* ra đời, với câu mở đầu: *“Vùng trời đông ánh hồng tươi sáng bùng lên...”* và kết thúc bài hát: *“... Đảng Lao động Việt Nam vì nhân dân tiên phong đấu tranh”*.



Bài hát do nhạc sĩ Đỗ Minh, quê ở Hải Hậu (Nam Định) sáng tác, khi là thành viên trong đội “Sao Vàng” của nhạc sĩ Đỗ Nhuận ở Liên khu 3, bài hát được truyền bá rộng rãi trong quần chúng và sau này với cái tên mới “*Ca ngợi Đảng Cộng sản Việt Nam*”, có thể nói đây là bài nổi bật trong các bài hát viết về Đảng ta.

Bài hát mang tính chất trang trọng của một chính ca, nội dung như rút gọn ý nghĩa cương lĩnh của Đảng được thể hiện trong một đoạn nhạc được nhắc lại và triển khai với một câu khẳng định, Đảng vì nhân dân mà đấu tranh.

Mười năm sau đó, bài hát được dựng thành hợp xướng do 1.000 nam nữ thanh niên thủ đô trình diễn tại Vườn Bách thảo Hà Nội, chào mừng thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, họp từ ngày 5 đến 10-9-1960. Bức ảnh nổi tiếng Bác Hồ cầm đũa chỉ huy dàn nhạc và hợp xướng đã được chụp vào dịp đó.

Về bài hát, có lần tác giả nói rõ: Quê hương ông rất nghèo. Cảnh tượng trận đói khủng khiếp 1944-1945 đã hằn vết sâu đậm trong tâm trí ông. Chỉ có Đảng mới tạo nên sức mạnh đoàn kết công nông và trí thức làm cách mạng thành công, giành độc lập dân tộc và lo cho dân ấm no, hạnh phúc. Tuy chưa có văn bản nào chứng tỏ là một bài ca chính thức của Đảng, nhưng bài hát đã đi vào lòng quần chúng như một Đảng ca, vang lên cùng với Quốc ca, Quốc tế ca trong các dịp lễ lớn của dân tộc, cả trong những cuộc mừng thọ Bác Hồ.

Bài hát “*Chào mừng Đảng Lao động Việt Nam*” được đổi tên thành “*Ca ngợi Đảng Cộng sản Việt Nam*” từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (14-20/12/1976) khi Đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, thì bài hát càng được phổ biến sâu rộng trong quần chúng với cái tên là bài “*Vùng trời Đông*”.

(Theo Phan Thanh Nam)

27. SỨC NHANH CỦA LỬA VÀ NƯỚC

Mùa hè năm 1949, hội nghị cán bộ được tiến hành tại khu rừng Việt Bắc. Đồng chí Trưởng ban tổ chức hội nghị viết thư báo cáo và mời Bác Hồ đến dự lễ khai mạc. Anh ta nghĩ rằng việc này vô cùng quan trọng và khẩn cấp, bèn giao phong thư cho một em bé liên lạc 13 tuổi, ngoài phong bì đã sẵn con dấu hoả tốc đỏ và mũi tên đỏ, anh ta lại nắn nót viết thêm hai chữ “Hoả tốc” bằng chữ lớn rất đậm, lại đóng khung ở phía góc trên phong bì.

Anh dặn chú bé phải đi rất nhanh đến chỗ Bác ở, cách địa điểm hội nghị gần 20 cây số đường rừng, rồi phải xin Bác viết trả lời ngay và quay về ngay trước 5 giờ chiều.

Năm giờ sáng, em bé phấn khởi lên đường qua đèo, qua suối, em đi rất nhanh, có lúc như bay. Đến nơi, em đưa Bác phong thư, mồ hôi nhễ nhại, mặt đỏ gay, thở hổn hển. Em nói không được gãy gọn lắm:

- Thưa Bác... các anh ấy dặn cháu... xin thư... trả lời của Bác... để về ngay... cháu phải có mặt... ngay chiều nay ạ!

Lúc đó, mặt trời đã gần đứng bóng, nhìn cháu liên lạc, hình như mắt Bác rung rung, nhưng cháu không nhận ra sự biến đổi trên gương mặt hiền hoà ấy. Bác ôm vai cháu bé, hỏi:

- Đường xa thế... cháu có mệt không?

Em bé gắng gượng:

- Cháu không mệt lắm ạ! Bác viết thư trả lời cho cháu đem về ngay, kéo các anh ấy phê bình cháu lơ là công việc ạ!

Bác lại từ tốn hỏi:

- Cháu đã đói chưa?

- Thưa Bác, cháu đã ăn cơm sáng rồi ạ!

Thực ra em nói dối vì sáng nay dậy sớm, vội đi, em quên không xuống nhà bếp lấy nắm cơm làm sẵn cho em từ đêm hôm qua. Hình như Bác cũng cảm thấy là cháu liên lạc này chưa kịp ăn gì. Bác bảo:

- Ủ, cháu ngồi nghỉ đây rồi Bác cháu ta cùng ăn cơm trưa.

Rồi... em được ngồi ăn cơm với Bác, rất sung sướng, nhưng em vẫn lo trễ giờ. Bác cười vui vẻ, ép cháu ăn thêm được một bát đầy nữa. Ăn xong, em lại nôn nóng:

- Cháu xin Bác cho mấy chữ để cháu về kéo anh ấy mắng.

- Ăn xong đi ngay, trời nắng thế này là mệt lắm cháu ạ. Nhớ cháu ốm thì càng hỏng việc. Cứ nằm nghỉ một lát, có khi cả hai Bác cháu ta cùng đi.

Nghe nói Bác sẽ cùng đi, em bé vững dạ, nằm lên giường Bác rồi vì mệt từ sáng, cửa sổ nhà Bác lại có ngọn gió thổi vào hiu hiu mát, em ngủ thiếp đi. Tỉnh dậy, em hốt hoảng chạy đến chỗ Bác, thấy Bác vẫn ung dung đang ngồi làm việc, bèn thưa:

- Bác ơi, Bác viết giấy cho cháu về đi. Gần chiều rồi, chắc các anh ấy ở nhà đang mong. Sáng mai, hội nghị đã khai mạc rồi ạ! Hội nghị quan trọng lắm, các anh ấy bảo thế.

- Muộn rồi. Cháu về thì sẽ lạc ở trong rừng. Thôi ở đây chơi, tối Bác hỏi chuyện rồi sáng sớm mai Bác cháu ta cùng đi.

Sáng hôm sau, khi cháu liên lạc mở mắt dậy thì Bác đã ngồi ở bàn làm việc từ lúc nào. Bác đang viết lên mặt phong bì. Cháu nhìn thấy trên đầu phong bì có hai chữ "Thủy tốc!". Bác viết bằng bút chì đỏ, toàn chữ hoa, lại đóng khung rất đậm nét, hai chữ mở và đóng ngoặc kép lại có dấu chấm than (!) nữa. Bác gài phong thư vào túi trong áo sơ-mi cháu đang mặc, Bác bảo:

- Bác bận việc không cùng sang bên ấy với cháu được. Cháu về, cứ đi thông thả, đừng sợ các chú ấy mắng mà chạy thì Bác không vui lòng đâu. Cháu nghe rõ chưa nào?

SỨC MẠNH TỬ TÂM LÒNG KÍNH YÊU BÁC



Bác Hồ tại phòng làm việc ở chiến khu Việt Bắc.

Em bé liên lạc bỗng dưng nấc lên khóc, cứ ôm lấy Bác không muốn rời xa.

Đưa cháu bé xuống đến chân đồi, Bác trao cho cháu một nắm cơm còn ấm với mấy miếng thịt rang khô gói trong lá chuối.

Hội nghị ấy khai mạc lúc 8 giờ. Mãi quá 12 giờ trưa, chú bé liên lạc mới về tới. Anh cán bộ tổ chức hội nghị có vẻ tức giận, muốn mắng thật nặng. Đến khi nghe em thuật lại chuyện gặp Bác, nhất là khi cầm phong thư có đề hai chữ “Thủy tốc!” rất to, thì anh ta cần mồi suy nghĩ, đến mức không dám mở phong bì xem thư nữa.

Qua mẩu chuyện này của Bác - một nhà văn hoá vĩ đại, chúng ta rút ra được bài học gì về “hoả tốc”, “thủy tốc”, nhất là hai chữ “Thủy tốc” Bác đề lên phong bì gửi cho anh cán bộ tổ chức hội nghị ngày ấy?

28. PHAN THỊ OANH ĐÁNH MÁY “TÌNH ỦY BÍ MẬT”

Phan Thị Oanh là nhân viên đánh máy của cơ quan Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đóng tại chiến khu Việt Bắc thời kháng chiến chống Pháp.

Một buổi tối đầu năm 1952, nhân đến dự một cuộc họp ở bản bên cạnh nơi cơ quan Trung ương Hội Phụ nữ đóng, Bác Hồ ghé thăm cơ quan Hội. Thấy Bác ai cũng tranh đến gần Bác. Oanh cũng cố len vào nhưng vẫn bị bật ra vòng ngoài. Năm đó Oanh còn rất trẻ, chưa tới 20 tuổi.

Trò chuyện với mọi người được một lúc, Bác chợt hỏi Oanh:

- Cháu Oanh đâu?

Oanh vội len vào, lễ phép khoanh tay:

- Thưa Bác, cháu đây ạ!

Oanh thật bất ngờ và quá xúc động, bởi vì không nghĩ Bác lại biết đến mình mà hỏi thăm. Phải chăng Bác cần người đánh máy mà có dịp nào đó các chị lãnh đạo Trung ương Hội đã giới thiệu Oanh với Bác?

Bác nhìn Oanh, hỏi:

- Cháu biết đánh máy mười ngón chứ?

Oanh ấp a ấp úng chưa kịp trả lời thì đồng chí Hoàng Thị Ái, Chủ tịch Hội vội thưa với Bác:

- Thưa Bác, cháu Oanh là người đánh máy chính của Văn phòng chúng cháu đây ạ!

Sau khi Bác về, đồng chí Ái gọi Oanh đến, giao nhiệm vụ:

- Từ sáng ngày mai, cháu đến chỗ Bác đánh máy tài liệu cho Bác.



Bác Hồ với các đại biểu phụ nữ các dân tộc Việt Bắc.

Sáng hôm sau, Oanh lên đường theo một giao liên đặc biệt đến đón. Chiều đến nơi, Bác dẫn Oanh đi xem căn nhà của Người. Đó là một căn nhà lá ba gian dựng trong một cánh rừng có nhiều cây to um tùm che khuất.

Thời gian Oanh đến đánh máy cho Bác, Bác đang dịch cuốn “Tình uỷ bí mật” của một nhà văn Liên Xô. Bác đã dịch xong tập 1, đang dịch tiếp tập 2 để gửi đi theo yêu cầu của các ngành và các địa phương. Bác giao cho Oanh đánh máy các bản dịch của Bác.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, Bác cho phép Oanh về lại cơ quan cũ và theo “yêu cầu” của Oanh, Bác tặng Oanh hộp sắt đựng thuốc lá để Oanh đựng kim chỉ.

29. “BÁC KHÔNG CÓ BÁC GÁI À?”

Hồi ấy, ở Việt Bắc...

Bác đến dự buổi liên hoan của Trường Chính trị Trung ương.

- Vì cơm muộn, nên Bác đến chậm mười phút. Bác xin lỗi các cô, các chú phải ngồi chờ. Nào ai có cái “tủ” gì thì chuẩn bị sẵn. Riêng Bác có ba tiết mục mới xin trình bày trước!

Tiếng vỗ tay ran cả hội trường. Bác kể ba mẫu thời sự nóng hổi:

+ Giấy bạc nước Anh sụt giá.

+ Ngày 1-10-1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, đặc biệt có vị Phó Chủ tịch là phụ nữ. (Tống Khánh Linh - NV).

+ Ngày 7-10-1949, Cộng hòa Dân chủ Đức ra đời, do lão đồng chí Vinhem Pích làm Chủ tịch.

Thế là phe ta có thêm hai nước mới.

Thấy Bác vui, ai nấy đều vui. Một chị Nam bộ giơ tay xin nói:

- Kính thưa Bác, cháu rất phấn khởi... cháu lần đầu tiên được gặp Bác...

Bác động viên:

- Mạnh dạn lên chứ!

- Kính thưa Bác, cháu hỏi mong Bác tha thứ... Cháu thắc mắc... Bác không có bác gái à?

Câu hỏi quá đột ngột, cả hội trường xôn xao. Nhiều người có thái độ không bằng lòng. Chị cán bộ Nam bộ bối rối, mặt đỏ nhừ...

SỨC MẠNH TƯ TẮM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

Bác Hồ cười hân hoan, đứng dậy bước lên bục, vẻ ung dung, pha chút dí dỏm, “giải vây” cho cô cháu gái:

- Bác trả lời đồng chí gái mới hỏi: Cho đến nay, Bác chưa có bác gái, đó không phải là khuyết điểm của Bác, mà khuyết điểm ở Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Tiếng cười vang hội trường. Vui nhất là chị cán bộ Nam bộ.

... Rồi đến sau ngày hòa bình.

Bác Hồ đến dự một cuộc hội nghị. Khi Bác cho mọi người được tự do nêu thắc mắc, nguyện vọng, một cán bộ “già” đứng lên:

- Thưa Bác, cháu đi theo cách mạng mấy chục năm, không có điều kiện lập gia đình... Nay đã luống tuổi chẳng biết làm sao được nữa...

Khi trả lời câu hỏi của người cán bộ này, Bác như thoáng dăm chiêu, nhưng rồi Bác nhanh chóng trở lại nụ cười, nói:

- Đã nêu ra là phải giải quyết... - Ai nấy chờ đợi xem ý Bác ra sao, thì Bác nói nhanh: - Nhưng... để giải quyết cho Bác xong, Bác sẽ giải quyết cho chú nhé!

Có vài tiếng cười. Nhưng rồi không khí trong hội trường lắng lại... Mọi người đều xúc động.

(Theo Nông Quốc Chấn)

30. CHUYỂN ẢNH BÁC VÀO HÀ NỘI

Nguyễn Đình Cần là một sinh viên kháng chiến đã nhiều lần đưa truyền đơn, vũ khí... của ta vào nội thành Hà Nội. Nhưng hôm ấy - trước ngày kỷ niệm sinh nhật Bác Hồ 19-5, Nguyễn Trà, thường vụ Thành Đoàn và là cán sự đoàn học sinh, sinh viên kháng chiến Hà Nội bảo Cần:

- Ngoài truyền đơn, tài liệu, lần này còn có ảnh Bác Hồ chụp lại tranh do hoạ sĩ Diệp Minh Châu vẽ, cần chuyển gấp vào Hà Nội trước ngày sinh nhật Bác... Đây là việc rất quan trọng. Sống trong vùng địch tạm chiếm được truyền tay nhau tấm ảnh Bác, chắc chắn đồng bào, cán bộ, chiến sĩ địch hậu rất mừng.

Cần đến gặp Hoàng Yến, nữ sinh trưởng Phan Chu Trinh. Ba phương án đã được thống nhất giữa hai người, nếu gặp địch kiểm soát. Vốn là học sinh trưởng Dũng Lạc, thân hình cao to, Cần mặc chiếc quần soóc trắng, đi dép da trắng, đội mũ xin-ga-pa cũng trắng. Yến đến an toàn khu để gặp Hồng Vân - nữ sinh Hà Nội - để nhận truyền đơn, tài liệu và ảnh Bác từ chiến khu đưa vào. Yến đợi Cần ở một địa điểm tại Ô Chợ Dừa.

Cả nhóm chủ động chọn quăng trưa tan tầm, lúc mà công chức, thợ thuyền và học sinh đi lại tấp nập để dễ trà trộn khi cần thiết. Đồng hồ chỉ 11 giờ, không hiểu sao Cần



Bức huyết họa Bác Hồ của hoạ sĩ Diệp Minh Châu vẽ năm 1947.



lại cảm thấy nóng ruột, bồn chồn trong lòng, mặc dù trời khá đẹp, gió mát dịu. Rồi đồng hồ đã 11 giờ 20 phút, Cần nổ máy, đưa mắt nhìn sang phía bên kia đường nhận tín hiệu của Doãn Xương - học sinh trường Văn Lang và biết tất nhiên là Xương có vũ khí.

Đến 11 giờ 30 phút, Yến đã ôm chiếc làn đứng dưới gốc cây bàng đúng nơi quy định. Đó là chiếc làn hai đáy, trên là nải chuối chín, chùm nho và hương hoa, dưới mới là truyền đơn và ảnh Bác Hồ. Cần đến chỗ Yến như một đôi học sinh đang độ tuổi yêu đương đưa nhau đi chơi, qua mắt cả bọn quỷ quái da trắng, da đen và mặt thám đang rình mò. Cuối cùng, chiếc làn “vô giá” đó được trao cho chị Bích Hạnh, phụ trách phong trào chợ Đồng Xuân.

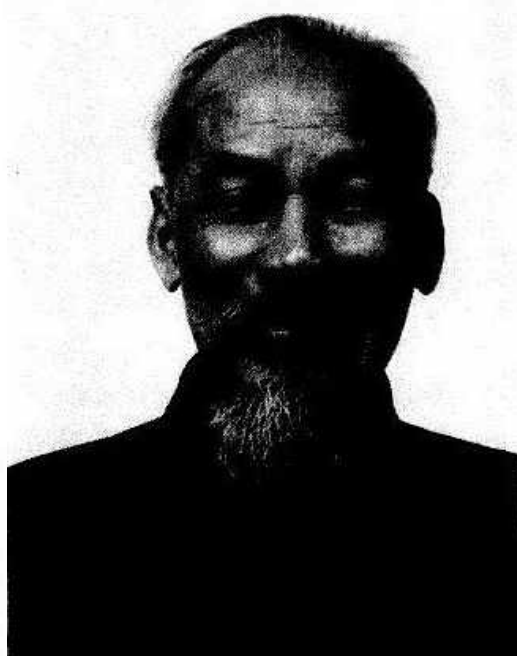
(Theo Nguyễn Đình Cần)

31. BẢO VỆ ẢNH BÁC - BẢO VỆ CHẾ ĐỘ

Hiệp định Giơ-ne-vơ 20-7-1954 được ký kết. Bình Định là khu vực 300 ngày, Phú Yên chỉ được 30 ngày tập kết ra Bình Định. Theo hiệp định thì 2 năm sau sẽ tiến hành Tổng tuyển cử. Mọi việc chuẩn bị tuyên truyền cho nhân dân hiểu về Hiệp định rất gấp rút. Mọi người lưu luyến tiễn đưa, chỉ biết giờ hai ngón tay hứa hẹn ngày gặp lại sau Tổng tuyển cử.

Ngày 1-9-1954, tiểu đoàn 10 ngụy quyền Ngô Đình Diệm do tên Võ Duy Đệ chỉ huy từ Tuy Hoà ra Chí Thạch. Là đơn vị đã bị quân dân Phú Yên đánh bại trong chiến dịch Ất-lăng, nay trở lại chiếm đóng Tuy An, chúng mang nặng tư tưởng phục thù. Vì vậy, vừa mới đến Chí Thạch, chúng đã trắng trợn đàn áp nhân dân, càn quét, phá phách bắt heo, gà của dân. Đồng bào rất phẫn uất, kéo đến đấu tranh. Ngày 7-9-1954, chúng kéo quân đóng ở thôn Ngân Sơn, xã An Thạch. Đến nhà ông Bành Liên, thấy trên bàn thờ có treo ảnh Bác Hồ, chúng giật xuống xé. Chị Chiêu là con ông Bành Liên, giành lại, bảo:

- Tại sao các ông thờ ông Diệm được, còn chúng tôi thờ Bác Hồ, các ông lại xé?



SỨC MẠNH TỬ TÂM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

Bọn lính nguy xông vào đánh chị. Chị ôm ảnh Bác chạy ra sân kêu la. Đồng bào chung quanh chạy đến mỗi lúc một đông. Tiếng mõ vang lên cả xóm, lan ra các xã lân cận như: An Ninh, An Dân, An Cơ, An Định. Đồng bào kéo đến bao vây trường Ngân Sơn là nơi bọn chỉ huy nguy đóng quân. Tên Võ Duy Đệ ra lệnh bắn chết các anh Phùng Ngạn, Nguyễn Sa và làm bị thương mười người khác, rồi rút chạy về Chí Thạch.

Máu chảy ruột mềm, ngọn lửa căm thù địch ngùn ngụt bốc cháy. Đoàn người khiêng xác hai người chết và ảnh Bác vào Chí Thạch đấu tranh đòi bồi thường, có hơn ba nghìn người tham gia. Đoàn biểu tình vừa đến Chí Thạch, bọn địch bất chấp Hiệp định Giơ-ne-vơ, xả súng bắn chết tại chỗ 64 người và làm bị thương 76 người. Ngày 9-9-1954, chúng lại kéo ra Ngân Sơn bắn chết hai anh Phan Tứ và Phan Sĩ Chánh.

Tội ác trời không dung, đất không tha ấy, nhân dân tiếp tục đấu tranh, tố giác. Đoàn đại biểu Ủy ban giám sát đình chiến quốc tế phải kết luận: “Chính quyền miền Nam vi phạm điều 14c Hiệp định Giơ-ne-vơ”.

Để bảo vệ chế độ, bảo vệ ảnh Bác, nhân dân Việt Nam đau tiếc máu xương. Giữa Ngân Sơn - Chí Thạch 45 năm sau (1999), nhân dân dựng lên tượng đài tưởng niệm vụ thảm sát tàn khốc năm xưa.

(Theo Cao Phi Yến)

32. “NGƯỜI LÀ CHA, LÀ BÁC, LÀ ANH”

Có lần Nguyễn Hải, một trong số các nhà báo được li theo Bác làm tin, viết bài, có kể lại rằng:

1- Năm 1958, lần đầu Tổng thống nước Cộng hoà Ấn Độ Pra-sát sang thăm nước ta, Hà Nội chuẩn bị đón tiếp to lớn. Sáng ấy, Hải có việc sang Thành đoàn Thanh niên, thấy mấy cán bộ chờ xe lên Phủ Chủ tịch và rủ cùng đi, nên Hải gác việc ở Thành đoàn để không bỏ lỡ việc quan trọng.

Khi xe vào Phủ Chủ tịch, điều bất ngờ cho cả đoàn à thấy Bác Hồ đang đứng trên thềm cao nói gì với mấy anh em phục vụ đang lui hụi kê hai cái ghế bành to kiểu cổ sit nhau. Số cán bộ Thành đoàn bước đến chào Bác, Bác cúi ngay chị thanh nữ trong nhóm, nói:

- Cô tiểu thư này ngồi lên ghế xem kê thế đã chắc chưa!

Chị bạn cười ngượng nghịu, mặt ửng hồng, đứng yên tại chỗ.

Bác cười:

- Con gái thời nay phải mạnh dạn lên chứ. - Bác chỉ sang Hải - Chú nhà báo này vậy. Chú lên đi!

Hải cũng dùng dằng, không dám “phạm thượng”. Bác cười to, nói:

- Thì cứ tự coi như mình là Tổng thống ấy. Nào.

Không thể dừng, Hải bước tới, nhưng không dám ngẩng, mà chỉ đập vào lưng ghế, tay ghế rồi thưa:

- Thưa Bác, cả hai cái đều kê chắc chắn rồi ạ!

SỨC MẠNH TỪ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

- Phải cẩn thận chu đáo lắm mới được. - Bác nói. - Các cô các chú biết không, ông cụ Tổng thống này già yếu, lắm bệnh. Lên xuống các bậc thềm này, Bác sẽ khoác tay ông cụ, vừa là tỏ tình thân thiện, vừa để đỡ ông cụ, chứ lỡ ra sẩy chân ngã thì... - Bác dang rộng hai tay.

2- Cuối hè 1964, Bác Hồ triệu tập và chủ trì Hội nghị Chính trị đặc biệt. Ngay sau phiên họp bế mạc, Bác gặp mặt thân mật các nhà báo tại phòng khách trên gác Hội trường Ba Đình.

Bác đã ngồi sẵn trong phòng, đang quệt diêm châm thuốc lá, thấy Nguyễn Hải và Văn Giáp đang loanh quanh ở ngoài chưa vào, Bác vẫy tay, giọng trầm ấm mà vang:

- Cứ vào đi hai chú. Nhà báo là phải xông xáo.

Hai nhà báo bước vào, ngồi đối diện Bác trước bàn có vài đĩa kẹo, chuối và mấy ấm trà.

- Các chú ăn kẹo tất nhiên đi.

Hải lấy đĩa chuối để gần mời Bác rồi cầm một quả, bóc ăn. Bác nhìn Hải rồi hỏi:

- Chú người Hà Nội hả?

Hải hơi ngỡ ngàng, không hiểu sao Bác lại hỏi vậy. Chứng đoán ra qua vẻ mặt Hải, Bác cười thân mật:

- Nghe giọng nói và nhìn cách chú bẻ đôi quả chuối rồi mới bóc vỏ thì Bác biết.

Trong tâm tư của Hải bỗng trào lên một tình cảm tha thiết lạ thường. Thấy Bác vui vẻ, cởi mở, chưa lần nào gặp Bác mà Hải được hưởng sự thân tình của Bác như thế, Hải thấy mình mạnh dạn hẳn lên, chuyện trò với Bác phần nào như người thân trong gia đình:

- Thưa Bác, chuối mùa này chưa ngon lắm. Phải đến giữa thu mới có chuối tiêu trứng cuốc⁽¹⁾. Chuối tiêu trứng cuốc ăn với cơm Vòng.

Bác gật đầu:

(1) Chuối tiêu trứng cuốc: Trống Nam bộ là chuối già vỏ màu vàng có đốm đen nhỏ như trứng con quóc.

- Ở vùng Nam Định cũng có loại chuối ngự thơm ngon, khách nước ngoài sang ta họ thích lắm... Còn cốm thì đừng ăn với chuối, ăn cốm không mới thấy vị bùi và thơm, mới thấy hết hương vị ngon của cốm.

Cả Hải và Giáp nghe tới đây càng sững người. Thì ra Bác cũng biết đến cả các đặc sản nổi tiếng ở các vùng quê và cả cách ăn sao cho ngon nữa.

Lúc ấy ngoài hành lang tập nập bước chân các nhà báo. Bác nghiêng người nhìn ra, giơ tay vẫy:

- Nào, chú Tố Hữu, mời đội quân báo chí vào cá đi chứ. Kẹo bánh... phải chờ đã lâu quá rồi.

Để kết thúc câu chuyện, Nguyễn Hải bày tỏ mối suy nghĩ của mình bằng một điều qua các lần được gặp Bác:

- Bác thân mật với tất cả mọi người bằng cử chỉ, lời nói, cách đối xử giản dị như cuộc sống thường ngày, làm cho bất kỳ ai cũng thấy Bác gần gũi, bất kỳ ai cũng yêu quý, cũng thấy gắn bó với Bác bằng một tình cảm thương mến sâu xa như với người ruột thịt trong gia đình, đúng như lời thơ của Tố Hữu:

"Người là cha, là bác, là anh".

(Theo Nguyễn Hải)



33. BÁC HỒ KHEN CÁN BỘ GẦN DÂN

Thời kháng chiến chống thực dân Pháp (1946-1954), Bác Hồ có hai lần thăm đồng bào và chiến sĩ tỉnh Hoà Bình. Trong đó, có một lần vào ngày 19-10-1958 làm cho Hà Đức Dục⁽¹⁾ và hơn 300 cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc không thể nào quên.

Ngày ấy Hà Đức Dục là trưởng ban cán bộ của Tỉnh đội Hoà Bình. Cấp không cao, chức không to, nhưng với nhiệm vụ của mình, Dục rất vinh dự được tham gia cùng một số cán bộ khác đi đón Bác và nghe Người nói chuyện tại Trường Hợp tác hoá nông nghiệp tại Bến Ngọc, xã Trung Minh, huyện Kỳ Sơn.

Bác rất hồng hào khoẻ mạnh. Bác mặc quần áo gụ, chân đi dép cao su giản dị. Tại buổi nói chuyện, Bác căn dặn, đại ý: nhiệm vụ của đồng bào, cán bộ, bộ đội hiện nay là đoàn kết hơn nữa giữa các dân tộc, giữa quân và dân, giữa lương và giáo, phải luôn đề cao cảnh giác vì ta xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, bọn Mỹ - Diệm sẽ tìm cách phá hoại...

Nói chuyện xong, Bác đứng dậy và bảo hai đồng chí lãnh đạo tỉnh ngồi hai bên cùng đứng dậy theo. Bác nắm chặt tay hai đồng chí này giơ lên cao và hỏi người ngồi dưới sân khấu của hội trường:

- Các cô, các chú có biết hai đồng chí này là ai không?

Hà Đức Dục đang ngồi ở hàng đầu, nên xung phong giơ tay, Bác mỉm cười đồng ý cho phép Dục nói:

(1) Hà Đức Dục sau là đại tá, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam tỉnh Hoà Bình.

- Thưa Bác, đồng chí Bùi Văn Kín, Bí thư Tỉnh uỷ đứng bên phải; đồng chí Nguyễn Văn Hậu, Chủ tịch Uỷ ban Hành chính tỉnh đứng bên trái Bác ạ!

Mọi người vỗ tay, Bác cười và khen thế là tốt, cán bộ gần dân nên được dân quen, dân biết mặt mũi, tên tuổi, được dân quý, dân yêu... Sau đó, Bác bắt nhịp bài hát "*Kết đoàn*". Cả hội trường cùng hát đồng thanh rất to. "*Kết đoàn chúng ta là sức mạnh*".

Bài hát sắp kết thúc thì Bác đi về phía sau hội trường. Tiễn Bác, mọi người lưu luyến nhìn theo Bác và các đồng chí cùng đi. Từ đó, cứ mỗi lần đến ngày kỷ niệm sinh nhật Bác, người dân Hoà Bình lại nhớ đến kỷ niệm xưa, càng thương nhớ Bác khôn cùng.



(Theo Nguyễn Công Huân)

34. "...CHÚA CŨNG LÀM CỘNG SẢN"

Sáng 2-12-1959, Nguyễn Kim Côn, nhà nhiếp ảnh, được phân công đi cùng Bác Hồ đến thăm đồng bào Thiên chúa giáo thôn Thạch Bích, tỉnh Hà Đông. Dư âm cuộc di cư đi Nam năm 1954 còn khá nặng nề vì các cha đã đi Nam và Chúa cũng đi Nam mất rồi.

Như vậy thì đời sống, đức tin và sinh hoạt tôn giáo sẽ ra sao?

Biết điều này, Bác muốn đến mọi nơi để động viên bà con giáo dân và Thạch Bích là nơi Bác chọn.



Khoảng 9 giờ 30 phút, chiếc xe chở Bác đến Thạch Bích.

Được tin Bác đến, bà con giáo dân kéo về chật sân nhà thờ. Sau vài lời thăm hỏi việc đồng áng rồi Bác đi thẳng vào vấn đề:

- Chúa ở khắp mọi nơi, ở trên trời, dưới đất và ở cả hỏa ngục nữa. Có đúng không?

- Đúng ạ! Đúng ạ! Thưa Bác đúng ạ! Thưa Bác đúng ạ! - Mọi người đồng thanh trả lời như học sinh trả lời cô giáo.

Bác lại hỏi:

- Chúa đã ở khắp mọi nơi thì tại sao lại bảo là Chúa đã đi Nam. Có phải là Chúa đã đi Nam không?

- Không ạ! Không ạ! - Những khuôn mặt rạng rỡ reo lên.

Bác hỏi tiếp:

- Chúa Giê-su chịu đóng đinh trên thánh giá là để cho nhân loại được ấm no, được học hành, được bình an, thờ phụng Chúa. Có đúng không?

- Đúng ạ! Đúng ạ! - Tiếng trả lời râm ran xen tiếng vỗ tay.

- Thế thì Đảng ta ngày đêm lo sao cho hợp tác xã có năng suất cao, sao cho các gia đình giáo dân được no ấm, các cháu đến tuổi đi học được cấp sách đến trường, người lớn chưa biết chữ thì học bình dân học vụ. Sớm, tối chuông nhà thờ vẫn ngân vang để bà con bình an thờ phụng Chúa. Đảng ta làm như vậy có đúng không?

Không nén nổi xúc động bởi lãnh tụ tối cao mà sao gần gũi dân đến thế! Hiểu lòng người Thiên Chúa giáo đến thế! Tiếng vỗ tay rộ lên xen tiếng hô: "Hồ Chủ tịch muôn năm! Đảng Lao động Việt Nam muôn năm!".

Bác phải giơ tay ra hiệu để bà con im lặng rồi nói tiếp:

- Nếu Chúa còn sống đến bây giờ thì Chúa cũng làm cộng sản.

Tiếng vỗ tay lại rộ lên kéo dài: "Hồ Chủ tịch muôn năm! Muôn năm! Đảng Lao động Việt Nam muôn năm! Muôn năm!".

Bác cười rạng rỡ, bắt nhịp bài ca kết đoàn.

(Theo Nguyễn Kim Côn)

35. ĐỒNG BÀO TÂY BẮC ĐÓN BÁC HỒ

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1945-1954), Bác Hồ dành thời gian lên thăm nhân dân các dân tộc Tây Bắc. Đó là ngày 7-5-1959, đồng bào các dân tộc Tây Bắc hân hoan được đón Bác về thăm tại Thuận Châu, thủ phủ của khu Tây Bắc.

Nghe tin Bác Hồ lên thăm, đồng bào các dân tộc ở quanh khu vực Thuận Châu, huyện Tuần Giáo, tỉnh Lai Châu, đồng bào từ các bản xa xôi không quản đèo dốc, mang theo quà, cờ hoa nô nức đi đón Bác. Tại sân vận động huyện Thuận Châu (hiện nay) gần mười nghìn người các dân tộc Tây Bắc đến dự cuộc mít tinh kỷ niệm 5 năm chiến thắng Điện Biên Phủ và đón Bác Hồ.



Khi Bác và đoàn đại biểu Đảng, Chính phủ tiến vào lễ đài, tiếng hô: “Pú Hồ, Pú Hồ xen pi; Hồ Chủ tịch muôn năm” từng đợt, từng đợt vang lên, dội vào vách núi. Bác Hồ giơ tay vẫy chào thân thiết và ra hiệu cho mọi người im lặng. Cả rừng người im phăng phắc, lắng tai nghe. Bác khen ngợi bộ đội, cán bộ và đồng bào Tây Bắc đã có công lớn trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, chống phong kiến, truy quét phi cũng như trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xây dựng đất nước. Ngày trước, đồng bào bị giặc Tây áp bức, bóc lột, bây giờ, không còn giặc Tây nữa. Ngày trước, nhân dân không có ruộng, bây giờ, nhờ có Đảng và Chính phủ, nhân dân tự đấu tranh có ruộng, như thế là đời sống đồng bào đã có phần sung sướng. Bác mong muốn đồng bào các dân tộc đoàn kết giúp nhau tăng gia sản xuất, đuổi giặc đói, giặc rét, đoàn kết bảo vệ bản làng, cán bộ, bộ đội, nhân dân phải đoàn kết chặt chẽ như nắm tay thế này. Nếu Mỹ muốn xâm lược nước ta, ta sẽ đánh vào đầu nó. Nhờ thành tích và nỗ lực đó, Bác trao tặng Huân chương Lao động hạng nhất của Chính phủ thưởng cho đồng bào các dân tộc Tây Bắc. Người căn dặn:

- Đồng bào, bộ đội, cán bộ Tây Bắc cần ra sức thi đua sản xuất và tiết kiệm, đưa Tây Bắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cho đời sống ngày càng ấm no và vui tươi hơn nữa.

Nói xong, Bác hỏi một câu bằng tiếng Thái:

- Pi noọng hụ báu? (Đồng bào có hiểu không?)

Một phút ngỡ ngàng, rồi chợt hiểu ra, rừng người sôi động:

- Thưa Bác, hiểu ạ.

Cuộc mít tinh biến thành cuộc diễu hành, biểu dương lực lượng đại diện các giới, các đoàn thể tiến qua lễ đài. Ai cũng hướng về Bác để được khắc sâu hơn hình ảnh Người. Bác lưu luyến vẫy tay chào.

Rời Thuận Châu, sáng ngày 8-5-1959, Bác Hồ đến huyện Yên Châu. Hơn 2000 đồng bào, cán bộ và chiến sĩ tổ chức mít tinh đón chào Bác và đoàn đại biểu chính phủ tại bản Khoóng, xã Chiềng An. Tại đây, Bác cũng căn dặn nhiều điều để phát triển kinh tế và cải thiện đời sống. Để thể hiện tấm

SỨC MẠNH TỬ TÂM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

lòng kính yêu Bác, đồng bào Yên Châu kính tặng Bác chiếc khèn. Trước mọi người, Bác đưa chiếc khèn lên thổi. Hình ảnh Bác thổi khèn được lưu giữ tại Thông tấn xã Việt Nam.

Từ Yên Châu, Bác đến thăm nhân dân các dân tộc huyện Mộc Châu. Niềm vui, nỗi hồi hộp xen lẫn, ai cũng muốn giành cho mình được thấy Bác đầu tiên, ai cũng muốn gần Bác nhất... để được ngắm, được thoả lòng mong ước bấy lâu. Bác vẫy tay chào, Bác hôn các cháu thiếu nhi. Bác thăm hỏi sức khỏe, đời sống sản xuất của đồng bào, của cán bộ, chiến sĩ Sư đoàn 335 đóng trên thảo nguyên Mộc Châu. Rồi Bác thăm nông trường Mộc Châu - ngày thành lập.

... Chuyến thăm Tây Bắc năm xưa của Bác hay nói cách khác nhân dân các dân tộc Tây Bắc đón Bác năm xưa là biểu hiện tình cảm của nhân dân đối với Bác Hồ - vị lãnh tụ tối cao của các dân tộc, bằng tấm lòng đoàn kết thủy chung xây dựng mảnh đất Tây Bắc ngày càng giàu đẹp.

(Theo Nguyễn Đức)

36. ÔNG GIÀ ĐÔNG SƠN

Xã Đông Sơn nằm sát hữu ngạn sông Hậu thuộc huyện Châu Thành tỉnh Cần Thơ, trong kháng chiến 9 năm. Đất tốt, nước ngọt, ta và địch tranh giành, lấn qua lấn lại.

Mùa mưa, đường trơn trượt, xã có phòng thông tin nhỏ, nên ở đây có câu ca dao: “Ngày xưa ăn quán ngủ đình. Ngày nay ăn quán ngủ Phình Thịn Tông” (nói lái là phòng thông tin).

Làng Đông Sơn cách đồn giặc khoảng 2 cây sô. Thấy phòng thông tin bị giặc đốt cháy, ai cũng lo ngại, nhất là cán bộ đi ngang qua làng. Phòng thông tin là nơi thường trực treo ảnh Cụ Hồ, Quốc kỳ và những khẩu hiệu động viên, kêu gọi kháng chiến, kiến quốc.

Khi cán bộ vào nhà, ông già bước ra, mừng rỡ:

- Chào chú em. Mạnh giỏi hả? Ở đây không phải là khu giải phóng, nhưng cũng như khu giải phóng. Tụi nó đốt phòng thông tin hai bữa rày. Nhưng mà không sao hết. Vẫn có Quốc kỳ, khẩu hiệu... vẫn có hình Cụ Hồ.

Cán bộ hỏi:

- Dạ, ở đâu?

- Phạt tại tâm, cờ đỏ tại lòng chớ ở đâu xa? Ngoài mé sông, bác trồng sen, bông sen nở đỏ, nhụy vàng thì cũng là Quốc kỳ rồi.

- Còn khẩu hiệu treo ở đâu? - Anh cán bộ hỏi.

- Tăng gia sản xuất, sau hè trồng bắp, làm thêm mấy công ruộng.

- Còn ảnh Cụ Hồ, có ai giữ trong nhà không, rủi bẻ gì thì sao?

SỨC MẠNH TỪ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC



Ông già mỉm cười:

- Có đủ. Thôi, hút điếu thuốc rê, uống tạm chén nước trà nguội rồi bác cho cháu coi.

Đến sát tấm vách lá, ông già thò tay lục lạo sau bức tranh sơn thủy trên bàn thờ ông bà, rồi đem ra tấm giấy 5 đồng:

- Đây trên tấm giấy bạc của mình, rành rành ảnh Cụ Hồ đây. Lâu lâu, đem ra coi cho phấn chấn tinh thần, rồi lại cất giấu kỹ lưỡng. Cụ Hồ ở xa mà như ở gần. Tôi ao ước được một lần gặp mặt.

Anh cán bộ từ giã ra đi. Ông già nói theo:

- Phải đó! Tôi cầu chúc cho cháu được mạnh khỏe để lo việc nước.

Ông già Đông Sơn là tiêu biểu của dân miền Nam, dân Nam bộ đối với Tổ quốc, đối với Bác Hồ.

(Theo Sơn Nam)

37. NĂM NĂM PHỤC VỤ BÁC HỒ

Những năm từ 1947 đến 1951, những anh em được sống chung với Bác Hồ đều được Bác đặt tên khác, vừa có ý nghĩa cách mạng, vừa bảo đảm bí mật lai lịch. Trong số đó, có hai người tên Nga và Phúc được chọn vào phục vụ Bác cùng một đợt.

Lần đầu tiên được gặp Bác (11-10-1947), hai anh rất lúng túng, chào Bác bằng Cụ, Bác cười và bảo đừng gọi thế, gọi Bác thôi. Khi biết tên của hai anh, Bác nói:

- Bác đặt tên mới cho hai chú là Kiên và Quyết. Các chú phải làm việc như thế nào cho xứng đáng với cái tên của mình.

Ngày ấy đúng vào ngày Bác di chuyển chỗ ở. Nghe tin báo địch sẽ nhảy dù xuống một số trận địa, vì vậy, nửa đêm cơ quan của Bác phải lên đường và đến Tràng Xá mượn nhà dân để Bác ở, sau đó mới làm lán cho cơ quan và Bác ở, làm việc.

Nhân dân Tràng Xá, Tân Hồng nhiệt tình ủng hộ quà vật, có gì cho nấy. Bác nói với anh em phục vụ:

- Mình đang thiếu thốn, dân ủng hộ gì cũng quý cả. Các chú phải ghi lại để sau này có điều kiện hoàn trả lại cho dân, cho tương xứng với những cái người ta ủng hộ mình.

Nhớ lời dạy của Bác, sau đó anh em mua thuốc Lào mang đến làm quà cho mỗi nhà một bánh để tỏ lòng biết ơn tình cảm và sự ủng hộ nhiệt tình cũng như yêu quý những người cách mạng.

Lán của Bác lúc đầu làm ở phía ngoài bìa rừng, sau có tin giặc Pháp nhảy dù mới làm sâu vào bên trong. Thời gian

SỨC MẠNH TỪ TẤM LÒNG KÍNH YÊU BÁC

này, Bác phải di chuyển chỗ ở đến nhiều nơi. Năm 1947 lên bán Ca, năm 1948 ở chân đèo De và ăn Tết ở đó. Năm 1949 sang Tân Trào ở nhà anh Quyết, dưới chân núi Hồng.

Năm 1951, một lần đánh bóng chuyền bị đau tức ngực, sau đó bị ốm, Bác cho Kiên đi nghỉ cùng đồng chí Phạm Văn Đồng... Khi trở về, Bác đã chuyển lên đèo Cón, ở ngã ba đi Bắc Cạn, đi Thành Công và một đường rẽ vào chỗ ở của Bác.

Trong thời gian phục vụ Bác, anh em được Bác rất quan tâm, quan tâm một cách công bằng chứ không thiên vị ai. Như năm 1950, sau chiến thắng Biên Giới, Bác được nhân dân tặng một số quần áo may sẵn. Bác không dùng, mà làm quà thưởng cho anh em. Trong số quần áo đó, có nhiều loại khác nhau. Bác lặng anh em, rồi đề nghị bắt số hay nhường nhau, chứ Bác không tự tay thưởng từng người. Bác bảo làm thế cho công bằng.

Khi anh Lộc (Bác đặt tên là Đồng), người nấu cơm cho Bác bị ốm rồi qua đời, Bác buồn lắm. Anh Bảy (đồng chí



Phan Mỹ) nói tìm người thay anh Lộc nấu ăn cho Bác. Thấy thế, Bác nói:

- Cũng không cần thiết lắm, Bác ăn uống cũng dễ. Trong nhà này cử một chú ra nấu ăn, đỡ phải tìm người. Mà các chú cũng phải học mà nấu ăn, sau này về nhà khi có khách còn biết nấu các món ăn. Các chú đóng một quyển sổ nhỏ, ghi mấy cô phụ vận ở Văn phòng Trung ương nhờ các cô ấy ghi cách nấu nướng về mà thực tập.

Đồng chí Trung (Bác đặt tên là Dũng) chuyển sang nấu ăn cho Bác, nhưng cứ bần khoản - đi bộ đội mà chẳng được đánh trận nào, xin chuyển sang công tác khác. Biết việc này, một buổi tối, Bác cháu cùng ngồi sinh hoạt bên bếp lửa, Bác đem câu chuyện chiếc đồng hồ ra kể với ý nhắc anh em yên tâm với công việc được giao. Bác nói:

- Công tác cách mạng do Đảng phân công, mỗi người một việc, các chú làm nhiệm vụ bảo vệ, hãy làm tốt việc được phân công.

Những năm kháng chiến, Bác ở trên chiến khu Việt Bắc, mà nơi đây không được an toàn lắm, cứ phải di chuyển chỗ ở luôn. Một số đồng chí thì thăm với nhau là về Thái Nguyên cho đỡ vất vả.

Bác nghe như vậy thì giải thích:

- Có bí mật mới có công khai, cũng như có kháng chiến mới có thắng lợi.

(Theo Nguyễn Kiên)

38. TẮM LÒNG NGƯỜI PHU MỎ CẨM PHẢ

Cuối năm 1947, anh Trần Văn Mão thoát khỏi nhà tù Lạng Sơn trở về Cẩm Phả được tên chủ mỏ Béc-na (Bernard) nhận trở lại làm phu than xe cuốc ở Moong Dăng, vì nó biết Mão khéo tay, tạc được đồ mỹ nghệ bằng than đá.

Tên chủ mỏ giao cho Mão việc chọn than, gọt thành những khối vuông, chữ nhật, đánh bóng hoặc làm gọt tàn thuốc lá, nói là gửi về Tây. Nhưng thật ra là để gửi về Hà Nội cho quan trên... đổi lon, đổi vàng.

Một hôm, anh Ngô Văn Xuân, phụ trách Công đoàn bí mật, đến gặp Mão nói rằng nhân dịp kỷ niệm 1-5 và 19-5 (1951), tổ chức muốn có một bức tượng bằng than đá tạc hình Bác Hồ, gửi lên Việt Bắc tặng Bác. Tổ chức giao việc này cho anh Mão.

Anh Mão vừa xúc động, vui sướng, vừa lo... Mình đã tạc tượng Bác bao giờ đâu. Anh Xuân khuyến khích:

- Quý là ở tấm lòng của công nhân mỏ mình đối với Bác thôi mà!

Và trao cho Mão đồng hào có hình Bác Hồ...

Anh Mão bắt tay vào công việc. Nhưng hình Bác Hồ trên đồng hào nhìn nghiêng, không nhìn rõ phần chính diện. May mà anh Phúc, Chủ tịch thị trấn (bí mật) có tấm ảnh Hồ Chủ tịch trao cho mượn.

Mấy lần tạc, hỏng, lại phải chọn than làm lại. Nhưng cái khó nhất là việc giữ bí mật.



Bác Hồ với nhân dân và công nhân mỏ than Cẩm Phả.

Một đêm, anh Mão đang hí hoáy làm việc, thì đột nhiên nghe tiếng vợ thốt lên phía sau lưng:

- Trời, thầy mày tạc tượng Bác Hồ!
- Suyt, nói khê chứ!

Anh đứng bật dậy, làm bật cái chao đèn, chị vợ liền đỡ lấy, chụp lại và trách:

- Sao thầy mày lại giấu tôi? Thầy mày coi thường tôi quá. Nếu cho tôi biết, tôi gác cho mà làm, có phải hơn không?

Từ đó, đêm đêm, chị bày ra chuyện nấu rượu để có cơ thức khuya. Suốt 29 đêm ngày cặm cui, anh Mão tạc xong bức tượng Bác Hồ. Hai vợ chồng bố trí chuyển đến cho anh Xuân.

...Bức tượng được chuyển lên Việt Bắc vào dịp 19-5-1951. Tháng 3-1953, Bác Hồ gửi tấm thiệp cho Công đoàn mỏ Cẩm Phả cảm ơn về tặng phẩm quý giá ấy. Nhưng mãi đến năm 1970, khi đã 69 tuổi, bác Trần Văn Mão mới được thấy tấm thiệp của Bác Hồ. Bác Mão nhìn tấm thiệp, xúc động đến ứa nước mắt.

(Theo Thiều Quang Bảo)

39. NGƯỜI NỮ ANH HÙNG TRÊN SÔNG NƯỚC

Bà Sáu Đê, tên thật là Đặng Thị Đê, sinh năm 1915 trong một gia đình nông dân ở xã Tân An, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Tuy đời sống khó khăn vì đồng lương ít ỏi của chồng - Nguyễn Văn Hựu, một thầy giáo làng, nhưng gia đình rất hạnh phúc. Do chiến tranh, không thể yên hưởng hạnh phúc riêng mà quên mất nỗi nhọc mất nước, nỗi nhọc của người dân nô lệ. Thầy giáo Hựu xếp bút nghiên tham gia kháng chiến chống Pháp và trong một trận chiến đấu ác liệt năm 1945, thầy Hựu đã anh dũng hy sinh, để lại người vợ góa bụa cùng 3 đứa con thơ.

Trước nợ nước, thù nhà với lời kêu gọi của núi sông, cả nước đứng lên kháng chiến, biến căm thù thành sức mạnh, người phụ nữ nông thôn bình dị ấy đã bước tiếp con đường cách mạng của chồng. Một mình Sáu Đê vừa lo nuôi ba đứa con dại, vừa hoạt động bí mật.

Dù chiến đấu ở vị trí nào, Sáu Đê cũng tỏ ra thông minh, nhạy bén. Năm 1955, trong vai trò lãnh đạo cấp tỉnh, chị phát động bà con nông dân đấu tranh chống bọn địa chủ ở ấp An Chánh, xã Tân An, huyện Càng Long. Cuộc đấu tranh với nhiệm vụ chính là đòi địa chủ giảm tô (mỗi công đóng nửa gạ thay vì hai gạ như hàng năm). Tên địa chủ ác ôn Lâm Quang Khưỡng đàn áp nông dân kín đáo, khôn khéo hơn người cha khét tiếng hung bạo của nó. Năm 1959, chị Sáu Đê làm Trưởng ban giao thông công khai, nhận nhiệm vụ nối liền liên lạc từ miền Tây đến miền Đông. Trong nhóm của chị gồm 12 chiếc ghe do 24 chiến sĩ đảm nhiệm, chuyên chở tài liệu, công văn, vũ khí, cán bộ đi công tác... Một năm

sau, theo chỉ thị của Khu uỷ, chị đưa toàn bộ cơ sở ra công khai, tạo điều kiện hoạt động hợp pháp.

Suốt quá trình chiến đấu mấy chục năm theo yêu cầu của cách mạng, theo lời kêu gọi và dạy bảo của Bác Hồ, chị Sáu Đê đã một mình một thuyền, rồi sau đó hàng chục, hàng trăm con thuyền ngày đêm dọc ngang sông nước ở khu Tây Nam Bộ. Chị như con chim đầu đàn không biết mệt mỏi, biết bao lần con sóng bạc đầu của dòng sông Hậu - con sông rộng “không thấy bờ” như muốn nhận chìm người đàn bà nhỏ bé, nhưng sông nước đã phải khuất phục trước ý chí thép gang của chị Sáu Đê. Chị đã đóng góp một phần công sức của mình cho cuộc kháng chiến thần kỳ của dân tộc và xứng đáng với danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân” do Chủ tịch nước Trần Đức Lương ký quyết định trao tặng (31-7-1998).

(Theo Ngọc Oanh)